

Năm thứ hai — Số 72

Tuần-lễ từ thứ tư 11 Novembre
đến thứ ba 17 Novembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần

Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Nhìn qua ban văn-học hội Khai-trí	Phạm Mạnh-Phan
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XLVII)	Nguyễn văn-Id
Vì sao Nguyễn-Du cảm truyện « Tiểu-Thanh » ?	Liên-Giang
Thơ Đường ở Nhật-bản (VI)	Bách-thảo - Sương Tiên-nữ
Hoàn-cảnh xã-hội của Mặc-tử	Hoa-Eằng
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, XII)	Nhật-Nhom
Cách xếp-đặt chữ nhỏ trong tự-điền (VI)	Đào trọng-Đủ
Những ông nghề triều Lê (XLII)	Ứng-Hòa
Dịch thơ tây	Cách-Chi
Đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều (II)	Hoàng-Diệp
Trúc mai sum-hợp (Hết)	Chu-Thiên

Kiểm điểm người và việc trong
hàng trí thức nước nhà

Nhìn qua ban văn-học hội KHAI-TRÍ TIẾN-ĐÚC

PHẠM MẠNH-PHAN

7 RÊ V hai mươi năm trời nay, bên cạnh hồ Gươm, lẩn tẩn sống gọn, tòa nhà đồ sộ nguy nga của hội Khai-trí Tiến-đức với tượng vua Lê, gương thần lẫm liệt, đã làm tăng thêm vẻ oai nghiêm tráng lệ của đất Thăng-long, « kinh đô bút mực », còn ghi bao dấu vết cựa quậy về lịch sử của non sông Đại-Việt.

Ở nơi đó khách văn-chương, người tao nhã đã từng ngày tháng ra vào.

Và sau những cuộc đón tiếp linh đình các khách quan người quý quốc, sau những bữa tiệc kéo dài tới tận đêm khuya với những tiếng tồ tồ d ế m vẳng nghe trong lúc trăng tà sao nhạt, người ta vẫn còn có một cảm tưởng êm-dịu về một hội lớn đó nơi đất Bắc, đã là cái gạch nối liền của người khác giống, đã là chốn gặp gỡ của hàng trí thức trong xã-hội Việt-Nam.

Ai đến Hà-thành lãng du cũng biết đến hội Khai-Trí, Ai rời Hà-thành cũng còn nhớ trong tâm tưởng cái tên đẹp đẽ ấy có liên lạc đến cuộc tiến hóa của non sông đất nước.

Vì trong bao nhiêu năm hội Khai-trí với hàng nghìn hội viên trong khắp từng lớp của xã-hội đã theo đuổi mục đích của hội để giúp cho sự mở mang trí-thức

người đồng chủng trong buổi giao liên của hai nền văn minh Âu, Á.

Một ban văn học đã thành lập để lo làm tròn phận sự của hội đã tự ra tay gánh-vác.

Nhìn thấy cái khuyết điểm về việc truyền bá tư-tưởng trong dân gian, nhìn thấy nỗi thiếu thốn trong việc làm, và thấu rõ sự cần dùng của những người thiếu học, ban văn học hội đó đã triệu tập trong hàng trí-thức của hội những người có đủ tin nhiệm về văn tài, hán học cũng như tây học để thảo nên một chương trình vĩ đại hòng giúp ích cho cuộc gây-dựng một nền văn-hóa riêng cho đất nước,

..

Lần giở ngày trang đầu cuốn « Quy-tắc » của ban văn học, chúng ta thấy ngay cái mục đích rõ ràng của ban ấy về ba thứ chữ : quốc âm, nho học và pháp học, những món ăn tinh thần cần thiết cho việc mở mang trí thức.

Chúng tôi tưởng không gì hơn là sao cái chương trình ấy ra đây để tiện bề so sánh :

A. Về phần định chính quốc âm

1. Soạn bộ Việt Nam tự điển.
2. Soạn quyền quốc âm văn phạm.
3. Sưu tầm và hiệu chỉnh, chú thích văn cổ bằng quốc âm.

4 Soạn và dịch những sách thuộc về nền tân học.

B. Về phần bảo tồn nho học

1 Làm bộ Hán Việt tự điển và bộ Việt Hán tự điển.

2 Dịch ra quốc âm : tứ thư, ngũ kinh, chư tử và những sách thuộc về lịch sử, văn hóa, thi ca, truyện ký của Á đông nhất là của người Nam làm.

3 Soạn sách dạy chữ nho, để cho người lớn tự học lấy được và để dùng làm sách giáo khoa.

C. Về phần khoáng trương Pháp-học

1. Làm bộ Pháp Việt tự điển và bộ Việt Pháp tự điển.

2 Dịch ra quốc âm những sách bằng chữ Pháp, thuộc về học thuyết lịch sử, văn hóa và vĩ nhân của Âu-Tây.

3 Dịch ra chữ Pháp những sách viết bằng hán văn, hay quốc âm thuộc về học thuyết, lịch sử, văn hóa và vĩ nhân của Á-Đông nhất là của người Nam làm.

(Quy tắc trang 3 và 4)

Đọc hết bản chương trình trên đây chắc độc giả cũng công nhận, như người viết mấy dòng này rằng, đó là một bản chương trình rộng rãi bao la, đó không phải là công việc của một vài người và phải là công việc của một số rất đông những người có tài

học lỗi lạc đầu tiên nhiệm mới gánh vác nỗi cái chức trách nặng nề ấy.

Nếu chương trình ấy một mai thi hành được triệt để thì sự ích lợi cho nền quốc học Việt nam không phải là nhỏ vậy.

Lúc đó công của ban văn học hội Khai-tri sẽ đáng được người đời truyền tụng.

Nhưng có một bản chương trình rộng-rãi bao-la là một việc và làm trọn bản chương trình đó mới lại là một việc khác quan trọng hơn và đáng quý hơn.

..

Thí chúng ta hãy xem qua ban văn học hội Khai tri đã làm được những gì trong mấy chục năm trời.

Lấy công tâm mà nói, chúng ta nên thành thực nhận rằng ban văn học của hội đó đã làm được một việc đáng ghi trong lịch sử văn học Việt-Nam hiện tại.

Đó là việc cho xuất bản cuốn Việt-Nam tự điển năm 1937. Mặc dầu cuốn đó còn nhiều điều khuyết điểm, chúng ta mỗi khi giở tới nó cũng thấy nó là một kho tài liệu đáng quý dùng làm nền tảng cho những cuốn tự điển sau này đầy đủ hơn và sáng sủa hơn.

Công việc đầu tiên bao giờ cũng khó khăn. Ban văn học hội Khai tri đã vượt được những cái trở lực lớn lao và đã làm được cuốn

tự điển đó, thật là một cái vinh dự cho hội.

Người đất nước sẽ không bao giờ quên cái sự cố gắng đáng khen ấy của các nhà văn đã tham dự vào việc khởi thảo tập tự điển, mặc dầu nó «chưa lấy gì làm hoàn bị» như lời tự nhận trong Tập san số 1 của hội.

Ngoài việc đó, hằng năm chúng ta vẫn thấy hội Khai-tri tổ chức cuộc kỷ niệm cụ Tiều Điền Nguyễn Du, tác giả cuốn Kim - vân Kiều để nhớ ơn một vị đại văn hào nước nhà đã có công làm giàu cho kho quốc văn bằng một cuốn truyện kiệt tác và bất hủ.

Cuộc kỷ niệm có ý nghĩa sâu xa để nhắc nhở công nghiệp người xưa và để khuyến khích các văn nhân trên con đường văn nghệ.

Hằng năm hội lại còn tổ chức ngày hội thường niên về văn chương, mỹ thuật cùng treo những giải thưởng về các bài thi ca bằng viết văn và bằng Hán văn.

..

Đó là những giòng chính về công việc đã làm của ban văn học hội Khai-tri.

Nếu chúng ta đem so sánh với bản chương trình trên kia, thì dầu chúng ta có cảm tình với ban văn học đến thế nào đi nữa cũng phải tiếc rằng trong bao năm trời ban văn học đã làm việc một cách quá ư chậm chạp.

Chúng tôi vẫn biết hiện giờ hội đang duyệt lại bộ Việt Nam tự điển để cho tài bản và đang soạn bộ Hán Việt hay Pháp-Việt tự điển chi đó.

Công việc làm tự điển đành rằng không phải là công việc trong một, hai năm; nhưng những khoản khác trong bản chương trình có thể thi hành trong một thời gian ngắn mà chưa thấy ban văn học làm.

Cuốn Việt-nam văn phạm tuy được hội bảo trợ, nhưng có thể coi là của riêng của nhà học giả Trần trọng-Kim cộng sự với giáo sư Phạm duy-Khiêm và cụ Bùi-Kỷ.

Chúng tôi muốn hỏi tại sao những sách đã định đem dịch lại chưa được dịch và những điều dự định khác chỉ là những điều nằm trong trí tưởng tượng của các ông trong ban văn học?

Giải thưởng lớn về văn học mà hội đã hứa hẹn bao lần rồi cũng chỉ là những điều hứa hẹn tan như mây bay khói tỏa!

Những giải thưởng con con về ngày kỷ niệm cụ Tiên-Điền chỉ là những việc nhỏ nhặt không đáng kể, vì chúng không đủ để khuyến khích những văn nhân có chân tài.

Những bài thơ, phú ngắn được ban thưởng không đủ để làm giàu cho kho quốc văn và cũng chẳng đáng giữ một địa vị khả

HÃY HỌC

Triết học KANT

của Nguyễn đình Thi

Một viên gạch quý báu trong công cuộc xây đắp văn hóa nước nhà. Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT - 40 - Takou - Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của Chế lan Viên

In toàn trên giấy vergé bouffant. Bìa do họa sĩ Lưu văn Sơn trình bày.

Giá 2p50

Sắp có bán

Triết học NIE ZSCHE

quan trong nền văn-chương hiện tại.

Chúng tôi không hiểu tại sao những cuộc nói chuyện hằng tháng của hội về các vấn đề văn-chương, sử ký, địa dư hay phong tục không tổ chức công khai cho công chúng và phái thanh-niên trí thức được nhan lãm mà chỉ dành riêng cho các ông trong ban văn học giữ « độc quyền nghe ».

Ngay chính tờ trình của hội đồng trị sự hội Khai-Tri về năm 1939 40 cũng đã yêu cầu như vậy mà từ đó tới nay ban văn học vẫn làm thình.

Trong khi đó ở Hà thành, một hội học khác với một số ít người hơn đã hoạt động một cách sôi sảng hơn nhiều và những cuộc nói chuyện của hội đó tổ chức đã được phái trí thức nhiệt liệt hoan nghênh !

Chúng tôi cũng đã đọc qua bản kê các ông hội viên ban văn học của hội Khai-Tri

Thì quả như lời ông Kim đã viết trong bài tựa cuốn Việt-nam

văn phạm, ban đó có tất cả 42 vị gồm có các nhà văn « đại biểu cho nền tân học và cựu học ».

Chúng tôi, trước khi viết bài này, cũng đã đến thăm một vài ông trong số đó mà chúng tôi được hân hạnh quen biết.

Chúng tôi cũng rõ trong ban văn học có một vài nhà học giả đứng đắn mà chúng tôi trọng về tài học và nhân cách. Chúng tôi không muốn nói rõ ra đây, e có người hiểu lầm tưởng chúng tôi có ý bợ đỡ như nhiều kẻ khôn nạn khác mà hòng hái lấy chút cảm tình nhỏ nhặt.

Những nhà học giả ấy thật tình muốn tận tâm làm việc cho quốc văn và muốn đem tài học của mình giúp ích cho đám người hiếu học.

Nhưng, trong công việc lớn lao về văn học, họ thường không gặp được các đồng chí sốt sắng và tận tâm.

Trong số 42 vị ở ban văn học không biết có nên nói rõ ra đây rằng nhiều vị chỉ trưng tên làm vì mà làm việc quá ư trễ nải.

Đó là một trong nhiều duyên cớ khác, đã khiến cho việc ban văn học phải chậm chạp một cách đáng phàn nàn, chậm chạp đến nỗi hình như người ta có cảm tưởng rằng ban đó không làm chi hết ngoài việc làm lễ kỷ niệm cụ Tiên-Điện.

Hơn nữa, thói thường người mình chỉ hay sốt sắng lúc đầu rồi một khi đã tự nhận một công việc không lợi lộc thì lại hay sao những không lo tròn phận sự mà giữ gìn lấy lời hứa danh dự.

Theo thói ỷ chúng tôi, ban văn học hội Khai-Tri có đủ ba điều kiện : tiền, nhân tài và tín nhiệm để làm việc cho nền văn hóa nước nhà. Thế mà ban đó, ngoài việc soạn tự điển, không làm được

việc gì khả dĩ có ảnh hưởng lớn lao đến nền văn học của đất nước thật là một điều đáng tiếc.

..

Không phải lần này là lần đầu mà chúng tôi nói tới ban đó.

Trước kia trong tờ Việt-báo số 48 ra ngày 12-10-1936 dưới cái đầu đề « Vạch một cái lấm của hội Khai-tri Tiến-đức » chúng tôi đã công nhiên bác việc ban văn học treo giải thưởng văn chương mà buộc thanh niên phải viết bằng tiếng ngoại quốc.

Chúng tôi đã lấy làm vui sướng được thấy năm sau (1937) ban văn học đã bỏ cái điều kiện chặt chẽ đó trong các cuộc thi văn.

Một điều đó chứng rằng ban văn học vẫn đề ý đến những dư luận chính đáng và ngay thẳng.

Ông Paul Reynaud, nguyên Tổng-trưởng thuộc-địa, hôm 14-12-1932 diễn thuyết trước hàng nghìn thính giả Pháp ở Université des Annales của bà Yvonne Sarcey dưới cái đầu đề « Du côté de l'Indochine » đã vì hội Khai-tri Tiến-đức với Hàn-lâm viện Pháp ! (1)

Chúng tôi mong hết thấy 42 « cụ hàn » của chúng ta trong ban văn học nên suy nghĩ kỹ về sự so sánh đó mà làm việc một cách sốt sắng hơn nhiều và đầy đủ hơn nhiều để khỏi phụ lòng mong mỏi của những người vẫn hằng có cảm tình với hội Khai-tri vẫn thiết tha đến cuộc tiến hóa của đất nước và việc mở mang trí thức của đồng-bào Việt-nam.

PHẠM MẠNH-PHAN

1) Nguyên-văn : « J'ai été reçu à Hanoi par les représentants de l'élite du Tonkin à l'A.F.I.M.A. sorte d'Académie française où les Annamites sont les plus nombreux »

(P. Reynaud Conférence, Juin 1933)

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn
và nhận đặt khoán các thứ
hàng nội hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux tropical, Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de royonre, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :
N° 2, Rue Strassbourg,
Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50
bằng timbre để làm cước phí.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 47 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TÔ

CXXXV

Kim Vân Kiều

(bài nối)

Một làn cỏ mọc xanh di,
Nước ngầm trong vất, thấy gì nữa đâu?

Vì câu dưới có chữ nước và chữ trong vất, nên câu trên Kinh-bản chép chữ làn, xem phải nghĩa hơn chữ vù ng ở bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh.

Bóng lau hiu-hắt như màu cỏi trêu.

Ông Vĩnh chép là khơi trêu. Bản nôm của Quan-văn-đường chép là « Vi lau hiu-hắt như màu gọi trên ».

Chạnh riêng tưởng ít tình nhiều.

Cụ Kêu-oánh-Mậu nói : « chữ tình có bản viết là chữ nhớ, sợ nhầm » Quan-văn-đường in là « Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều » ; ông Vĩnh in là « Tình riêng nhớ ít tưởng nhiều ».

Tắc gang động khóa nguyên-phong.

Các bản đều chép là « Tắc gang đồng tỏa nguyên-phong », có lẽ không đúng, vì câu này nghĩa là Kim-Trọng đứng bên này, trông sang bên nhà Thúy Kiều, tuy gần chỉ độ một gang

Đài kỷ niệm Nguyễn-Du

Nguyễn-Du là nhà thi-hào độc nhất của ta, toàn thể quốc-dân một lòng sùng bái, thế mà trừ một cái bia của hội K. T. T. Đ. ra, thì quốc-dân chưa có cái gì để kỷ niệm bực công thần đệ nhất của quốc-văn, cho đến cái mộ của tiên-sinh đến ngày nay cũng chỉ là một nấm đất sè sè. Nhân ngày húy của tiên sinh xưa nay, hội Quảng-trị Huế, nhờ được các học hội lớn ở trong nước ủng hộ, có xuất bản một quyển sách đề là *Tập Văn học kỷ niệm Nguyễn-Du*, để bán lấy tiền sửa mộ và dựng đài kỷ niệm nhà thi-hào ở làng Tiên-diễn.

Sách ấy bán tại hội Quảng-trị Huế và Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12, Sabdarain, Saigon.

Hạng giấy nhiễu Tố-như 20 p 00

Hạng giấy lụa Tố-như 8 00

Hạng giấy lụa Sông-Thao 6 00

(Hạng 100 p.00 đã bán hết cả)

HỘI QUẢNG-TRỊ HUẾ kính cáo

lắc, nhưng khóa nguyên-phong như động tiên thăm-thăm.

Nhấn từ quán khách lân-la,
Tuần trăng đếm đốt, nay đã thêm hai.

Các bản viết là : « Nhận (hoặc nhữ ng) từ quán khách lân-la, Tuần trăng thăm-thoắt, nay đã thêm hai ». Cụ Kêu-oánh-Mậu nói : « Chữ nhấn là tiếng cô-ngữ, trong truyện *Hoa-tiên* thường dùng » Ở Trung-kỳ bây giờ cũng vẫn hã y còn dùng tiếng nhấn.

Giơ tay với lấy về nhà.

Các bản viết là « cất lấy » thì không đúng, vì cảnh thoa ở trên cây đào, phải giơ tay mà lấy, thì chữ với phải hơn.

Gắm Âu người ấy bấu này.

Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là « Gắm trong ».

Ơn lòng quân-tử sá gì của rơi.

Ông Vĩnh chép là « Ơn người quân-tử ».

Thang mây đón bước ngọn tường.

Cụ Kiều-oánh-Mậu chép là « Bậc mây » và chưa rằng : « Có bản viết là Vén mây thì không phải, vì trong truyện *Thanh-tâm* m có chữ *vân-thé*, nghĩa là thang mây ».

Kẻ nhìn tận mặt, người e cúi đầu.

Quyển Kiều của Quan-văn-đường và quyển Kim Vân Kiều truyện chú viết là « nhìn rõ », ông Vĩnh chép là « nhìn tỏ ».

Xương mai tình đã thấu mòn.

Ông Vĩnh chép là « Sương mai, tình đã gầy mòn ». Kim Vân Kiều truyện chú, chưa rằng : « Xương mai, đây là xương cây mai, vì người gầy. Thơ của Tô Đông-Pha có câu : « La-phù sơn ngoại mai hoa thôn, Ngọc tuyết vì cốt, băng vì hồn », nghĩa là ngoài núi La-phù có xóm hoa-mai, tuyết ngọc là xương, băng giá là hồn. Vì có câu thơ ấy, nên cụ Nguyễn-Du mới đặt cây Mai có xương », chứ không phải là sương tuyết như ông Vĩnh in trong bản quốc-ngữ. Còn chữ thấu là tiếng cổ, chỗ này nghĩa là đã lâu.

Tháng tròn như gửi cung mây.

Cụ Kêu-oánh-Mậu nói : « Tháng tròn như chữ Hán « nhất nguyệt viên », là trong một tháng gửi lòng ở trên cung trăng. Có bản chép là « Năm tròn như thổ cung mây »... Ông Vĩnh chép là « Năm tròn như cuội cung mây »,

Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ,
Với cảnh hoa ấy tức thì đổi trao.

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói : « Có bản chép : Sẵn tay bẻ quạt hoa quỳ » Cụ lại phê luôn hai chữ « vô vị ». Nguyên bên chữ Hán có câu : « Kiều-dĩ cầm-thuế kim phiến hoàn-chi », nghĩa là Kiều lấy khăn gấm, quạt vàng đổi lấy. Quạt vàng là quạt quỳ, cụ Nguyễn-Du viết quạt quỳ là vì văn dụng ép đôi cũng khó. Nếu chép là bẻ quạt hoa quỳ thì không có nghĩa, mà mất cả chữ khăn gấm » Ông Vĩnh chép là « Khăn tay gấm, quạt hoa quỳ, Mấy cảnh thoa ấy tức thì đổi trao ». Chữ Mấy sợ lẫn nghĩa với chữ dăm ba, nên Kinh bản viết là với, nghĩa là và là cùng.

Một nhời vừa gần tất-giao

Ông Vĩnh in là « Nhời đương gần bó tất giao »

Một tường tuyết trở sương che.

Chữ trở có bản chép là đón, thì còn được ; có bản như bản Quan-văn-Đường, chép là điếm thì không có nghĩa.

Vừa ngày sinh nhật ngoại gia,
Trên song đường, dưới nữa là hai em.

Các bản khác chép là Ngày vừa sinh nhật ngoại

Mọi có bán ;

TẬP KIỀU

của Tú-Poanh

Trình bày rất ưa nhìn. Có 8 phụ bản của
Nguyễn Đức Nùng

Giá 1p00

BỆNH THỜI ĐẠI

của Phạm Ngọc-Khôi

Thứ bệnh tinh thần đã từng đau đớn mấy lớp
thanh niên đất Việt (Loại « Đạo làm người »)

Giá 0p55

Còn một số ít : Bà Quận - Mỹ của Chu - Thiến
Răng đen của Anh - Thơ

Đang in :

Thanh lịch của Văn Đài
« Thu » thơ của Đỗ-Cầm-Văn

« Thu » là cả một bản đàn tha thiết âm điệu tân kỳ.
« Thu » tập thơ đầu của một thi sĩ có nguồn cảm
hứng riêng biệt Bản thường : 2p50. Bản quý : 8p00

Nhà NGUYỄN DU xuất bản

Đường 206b/s



số 11, Hà-nội

gia, Trên hai đường dưới nữa là hai em » Song
đường đã thành tiếng nôm : chép là hai đường
sợ có khi nhầm là hai đường cái.

Tung bùng sắm sửa áo xiêm,

Cần dăng một lễ xa đem tấc thành,

Chữ cần ở đây nghĩa là ren cần : Sách Kê Khang
có câu : « Người nhà quê có rau cần tốt, muốn
dâng vua ». Có bản nôm chép là : Bèn dăng một
lễ » ông Vĩnh đọc là : « Biện dăng một lễ » thì
nhầm, vì tiếng nôm chữ biện ấy đọc là bèn ; nếu
dùng chữ biện là sắm sửa thì phải viết hai chữ
tân hai bên, chữ lực ở giữa, chứ không phải viết
chữ hạ chấm đầu.

Nhà lan thanh vắng một mình.

Bản Kiều của cụ Quan-văn-Đường và quyền
Kim-Văn-Kiều chuyện chú chép là « Nhà hương... »
Gấm cơ hội ngộ đã đành hôm nay.

Các bản nôm chép chữ đình ; chữ ấy dùng làm
chữ nôm thì đọc là đánh, dành rành, đều được
cả ; nhưng ở câu này phải đọc là dành thì phải
hơn, vì buổi vắng nhà hôm ấy là cơ hội tốt đã để
dành cho Kim Trọng và Thúy-kiều.

Gót sen thoăn-thoắt dạo ngay mé tường

Các bản nôm đều viết chữ mái. Trong bản
Thanh-tâm có chữ « tường đầu » thì chữ mé
tường phải nghĩa hơn.

Càng nhìn mặt càng thêm tươi

Ông Vĩnh chép là « Mặt nhua mặt »

Góp nhời phong nguyệt nặng nguyên non sông.

Quan-văn-Đường chép là « Ngắm nhời » quyền
chú thích chép là « Gắm nhời ».

Trên yên bút giá thi đồng.

Có bản nôm viết là « Trên án bút giá thư đồng »

Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi

Quan-văn-Đường in là « Mặn má ».

Phúc nào nhắc được giá này cho ngang.

Quan-văn-Đường và quyền chú thích chép là
« Phúc nào đổi được » ; ông Vĩnh chép là « độ
được ».

Trông người lại ngẫm vào ta..

Quan-văn-Đường chép là « lại ngẫm đến ta »
ông Vĩnh chép là « lại ngẫm đến ta » trên có chữ
trông thì dưới dùng chữ ngẫm phải hơn.

Thì đem vàng đá mà liều cho thân.

Cụ Kiều-oánh-Mậu nói « chữ cho có quyền viết
là với ».

Còn nữa

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỘ

Vì sao Nguyễn-Du lại cảm TRUYỆN « TIÊU-THANH » ?

của LIÊN-GIANG

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khốc Tố-Như ?

DÓ là hai câu kết ở bài thơ tám câu của Nguyễn Du, vì sau khi đọc truyện *Tiểu Thanh* xúc-cảm mà làm ra, theo như ý ông Đào Duy-Anh đăng ở báo *Thanh-Nghị* số 22 ngày 1er Octobre 1942.

Vậy *Tiểu Thanh* là ai ? Truyện đó có thực hay không ? Vì tình cảnh làm sao mà Nguyễn Du cảm-động đến thế ? Ông Đào Duy-Anh đã lược kể tiền-sử của nàng, nói rằng mộ nàng hiện nay vẫn còn di-tích ở Cô-sơn trong Tây-hồ tỉnh Triết-giang. *Từ-nguyên* cũng chép rằng : *Tiểu Thanh* là tên người, họ Phùng, là vợ lẽ một người học trò họ Phùng ở tỉnh Hàng châu. Vì kiếng đồng tình, cho nên chỉ gọi tên chữ. Nàng hay thơ, giỏi ăn-luật, bị vợ cả không dung, bắt ra ở riêng ở Cô-sơn. Trong họ có người xui nàng bỏ đi lấy chồng khác, nàng không nghe, lo uất mà chết, tuổi mới mười tám. Việc đó vào đầu đời nhà Thanh. Bấy giờ ở núi Cô-sơn, còn có mộ nàng ở đấy.

Nay xét ở *Tiểu-Thanh* truyện, chép trong pho *Nữ Liễn Trai chí dị* của Quảng-ích thư-cục in, thì ở cuối truyện ấy, có câu bàn của Trương Sơn-Lai rằng : Truyện *Tiểu-Thanh* này có kể bẽ là chuyện không có, vì ghép hai chữ « *tiêu* » và « *thanh* » lại làm một, thành ra chữ « *tinh* ». Nhưng kịp khi đọc đến bài ca « *Từ Văn* » của Ngô Khôn, thấy đoạn tiền-dẫn có câu rằng : « *Phùng Từ-Văn* là em gái *Tiểu-Thanh*, gả về Mã Mao-Bá ở Cối-kê ». Như thế thì ra truyện tựa hồ như có thực. Kề ngay như truyện *Tiểu-Thanh* này — vẫn câu của Trương Sơn-Lai — cũng không rõ hay ai soạn ra. Bọn ta là Ấn Nhật-Giới, có nhớ mang-máng là của Chi *Tiểu-Bạch* làm, nhưng không lấy gì làm chắc. Vậy việc dĩ không chắc, thì bầy tụi em đành viết nghị vậy.

Truyện nàng thực hư thế nào, ta cũng không cần bàn đến, mặc dầu độc-giả phần nhiều hay có cái quan-niệm rằng truyện mình đọc phải là chuyện có thực, mới cảm thấy hứng thú cho. Nay ta chỉ nên xét *Tiểu-Thanh* là hạng người thế nào, cảnh-ngộ của nàng ra làm sao, văn-chương của nàng đẹp đẽ hay bi-đát nhường nào mà khiến cho nhà đại thi-hào của ta là Nguyễn-Du phải hoài cảm đến thế.

Sở của nàng là sở một kẻ hồng-nhan bạc mệnh. Nhưng đến văn chương của nàng chỉ có mười hai bài vừa thi vừa từ, lại là một tập văn-chương bị đốt đi còn sót lại, thế mà đời sau những người biết thưởng-thức thi-văn đọc ngâm đến, cũng phải chau đôi mày, và chín khúc, hưởng chỉ là một bực tài-tử như Nguyễn-Du, cảm thân-thế cùng thuyến cùng hội, khổi sao được mà chẳng ngâm-ngùi than tiếc, khóc mướn, thương vầy :

« *Chi phần hữu thần liên tử hậu,*
« *Văn chương vô mệnh lụy phần dư !* »

脂粉有神憐死後
文章無命累焚餘

Nay tôi xin dịch kỹ lại truyện và thơ *Tiểu Thanh*, không dám nói rằng dịch thực đúng. Dìm mong độc giả lay con mắt kẻ bàng-quan mà xem truyện, đừng tự tưởng mình như Nguyễn Du.

Truyện *Tiểu-Thanh*

Tiểu-Thanh là vợ lẽ một chàng học trò quê ở Hồ-lâm (nay ở huyện Quí-chí, tỉnh An-huy). Nhà nàng vốn ở Quế-lăng (huyện Giang-đô, tỉnh Giang-tô) ; vì cùng mang một họ với chồng, nên giầu không nói họ, chỉ lấy tên là « *Tiểu-Thanh* ». Nàng vốn có căn duyên kiếp trước, nên khác người từ lúc nhỏ. Năm mười tuổi, gặp một bà sư già, trao cho cuốn *74 π kinh*. Nàng x m qua một vài lượt, thuộc lữa ngay, gặp lại đọc,

không sót một chữ. Bà sư nói rằng : « Con bé này sớm thông-minh, mà phúc mỏng-mảnh ! Tôi xin nó làm đệ-tử tôi. Nếu không, chớ nên cho biết chữ, học mới sống được đến năm 30 tuổi ». Người nhà cho là nói nhảm, có ý cười riễu.

Mẹ nàng vốn là bà giáo, nàng được theo học luôn luôn. Những nơi nàng năng đi lại, toàn là những con gái nhà danh giá, nên nàng tinh hiểu mọi nghề, thấu hết các thanh và luật. Giang-đông là đất đẹp đẽ phồn-hoa, thường hay có những cuộc hội họp của các trang khuê-tú, trong đó họ đổ nhau bằng ché và nói bằng hiệu tay. Nhiều người chưa kịp hiểu, thì nàng mau trí, lựa dịp ứng đối ngay, làm câu người ta không nghĩ đến. Cho nên ai ai cũng sợ vắng mặt nàng.

Nàng vốn am hiểu về phép-tắc đàn bà, mà dáng-diệu lồng-lẫy, lại khoan thai dễ-dàng, thực là sũn tính giới như thế. Năm 16 tuổi lấy chàng Chàng là một bực công tử rất hào, nhưng hay khoe-lác sống-sượng, không được nhẽ nhặn. Người vợ cả có tính ghen tị lòng. Nàng hạ mình theo ý chiều-chuộng, mà không xong.

Một hôm, nàng theo vợ cả ra chơi chùa Thiên-trúc, người vợ cả hỏi rằng : « Ta nghe phượng Đông có vô-lượng-phật, sao đời chỉ chuyên thờ phật Đại-sỹ (tức Quan Âm) ? Nàng đáp : « Ấy chỉ vì ngài từ-bi mà đời thờ ». Người vợ cả biết là mĩa mỉnh, cười nói : « Phải, ta nên từ-bi. Nhưng từ nay, mày phải ra ở riêng nơi Cô-sơn, và phải nhớ lời dặn này : Nếu ta không cho phép, chàng có đến, không được cho vào. Nếu ta không cho phép, chàng có viết thư đến, cũng không được nhận ».

Nàng nghĩ hẳn buộc mình vào địa vị người rồi, tất rình lối mình để kiếm chuyện hành-hạ mình. Vì thế, nàng hết sức gìn-gữ. Có hôm, người vợ cả đi chơi sông, gặp t ng cùng đi một thuyền. Gặp chỗ giáp hai bên đê, tằm

Đã có những chàng trai trẻ cưỡi ngựa tập nập đi đi lại lại. Các bạn gái ngồi trong thuyền đều chỉ-trỏ đùa giỡn : ngã về phía đông, lại nghiêng về phía tây. Nàng chỉ điểm nhiên ngồi thừ ra mà thôi. Có một bà phu-nhân, thích-thuộc với người vợ cả, có tài mà hiền, thường vẫn đến chơi với nàng học đánh cờ, thương-yêu nàng lắm, hôm ấy đồ rượu cho người vợ cả thực say, rồi nói sẽ với nàng rằng : « Thuyền có lầu, chị lên chơi với tôi ». Khi lên đến lầu, hai người cùng nhìn ra xa một lúc, phu-nhân bèn vỗ lưng nàng mà nói rằng : « Cảnh đẹp thế kia, khá tiếc thay, chỉ dùng tự mình làm khổ mình ! Liều Chương-đài ơi, (1) người tựa lầu hồng mà mong ngựa của Hán-lang chẳng về thay, có sao chịu ngồi yên mà nhìn lên trên không thể ? » Nàng đáp : « Giả Bình-Chương, (2) lư... gương của người đáng sợ thật ». Bà kia cười : « Chị làm rồi. Gương của Bình-Chương thì nhợt, chớ gương của nữ Bình-Chương mới thực là sắc ». Một lát phu-nhân lại thông dong nói : « Chị vốn hiền khôn khéo, lại làm nghề hay, mà phong-lưu dễ-dàng như thế, há cứ để cho lạc vào nước quỉ La-xát hay sao ? Tôi đây tuy không phải là nữ-hiệp, nhưng có thể kéo được chị ra khỏi nơi hổ lủa ». Chốc lại nói tiếp : « Liều - Chương - đài, nhà người sao không hiền ? Thiên hạ thiếu gì Hán-lang ! Dù bây giờ hẳn có ăn ở tử tế với nhà người đi nữa nhưng nhà người chung qui vẫn làm con hầu nấu rượu ở dưới trướng của tướng quân họ Đổng (3) mà thôi ! » Nàng nói : « Xin bà đừng nói nữa. Thở hổ tôi nằm mộng thấy tay ngắt một cái hoa, cái hoa theo gió rụng dần xuống nước. Mệnh tôi chỉ có thế mà thôi. Họ kiếp trước trả chưa xong, dăm đời còn sinh bụng khác. Cuốn sổ nhân duyên ở Minh-tào kia có phải là hòn ngọc Châu như ý của tôi đâu, thời con làm nhục nó làm chi nữa, cho thiên hạ thêm dặt nên điều. Phu-nhân than rằng : Chị nói cũng phải, tôi không ép chị làm gì. Dù sao, chị cũng nên gìn-giữ hẳn có nói ngọt mà mời ăn mời uống, chị phải cần thận. Sớm tối có cần đến gì, cứ cho biết tôi, không sợ ». Rồi hai người nhìn nhau, khóc ướt cả áo. Rồi cùng lau nước mắt, về chỗ cũ. Một lát, vị phu-nhân từ trở về

Phu-nhân đem truyện ấy nói với trong thân-thích, ai cũng than-thở thương tiếc. Từ đấy về sau nàng buồn tủi âm thầm đều thổ lộ ra lời thơ và từ.

Vị phu-nhân kia sau vì việc quan mà đi phương xa, nàng càng cảm thấy vắng-vẽ, rồi sinh bệnh. Người vợ cả cho thầy thuốc lại thăm. Kể cho con nhai bụng thuốc đến. Nàng giả dạng cảm tạ, sau khi con Xôi đi khỏi, bèn ném thuốc lên đầu giường mà than rằng : « Dù ta không muốn sống nữa cũng nên giữ cái thân cho trong sạch mà qui-y, há để cho chén thuốc độc kia nó đoạn tống được đời ta ! »

Bệnh càng ngày càng nặng, nàng không ăn uống gì cả, mỗi ngày chỉ nhấp lưng chén nước lã mà thôi. Sự phục-sức nàng càng trang đằm lộng lẫy thêm lên lại ôm đệm ngồi hát. Có lúc gọi người đàn bà gầy đàn rong vào tần khúc « mạnh-từ » để nghe. Dù ngắt đi tình lại mấy phen cũng không chịu để bỏ đầu hay nằm giữa bao giờ.

Chợt một hôm, nàng bảo người vú già rằng : « Khá nhẩn bảo gã oan nghiệp kia tìm cho tôi một thầy họa giỏi lại đây ».

Thầy họa lại. Nàng bảo vẽ truyền thần nàng. Vẽ xong nàng soi gương nhìn kỹ, nói : « Hình tôi thì giống, nhưng chưa lột được hết thần của tôi. Thôi, bỏ đi ».

Vẽ đổi bức khác ; nàng lại nói : thần thì được rồi, nhưng bóng dáng chưa được lưu động. Hay là mất ta nhìn ngay thẳng, tay để trang nghiêm, giữ gìn thái quá, há nên thế chẳng ! Thôi bỏ đi ».

Nàng bèn sai mang bút đến cạnh, cùng với vú già : trở, nhìn, nói, cười ; hoặc quạt ám chèo, xếp gọn những tranh sách ; hoặc pha bộ các thứ thuốc xanh đỏ.

Nàng phùng cái tư tưởng như thế trong một lúc lâu, rồi bao thấy họa trông vẽ lại. Tranh chấm xong, đủ dáng lộng lẫy, nàng cười nói : « Được rồi đây ».

Khi thấy vẽ đi, nàng để bức tranh ở trước giường, đốt hương thơm, đặt lư và rượu lên cúng, rồi lễ đền mà khấn rằng : « Tề-Thanh Tiều-Thanh, chốn này có phải nơi duyên phận của mày đâu ! »

Nói xong, ôm gối mà khóc, nước mắt như mưa chan hòa chảy xuống, nước lên một tiếng rồi chết. Bảy giờ vào năm nhâm-tý, niên hiệu Vạn-lịch (1612) Tuổi nàng mới có mười tám, thương thay !

Người đầu đẹp như ngọc, mệnh mỏng như mây, khác nào như nhị hoa quỳnh bông hoa đàm, chỉ hiện ra ở nhân gian có một lúc ! Muốn cầu bắt chước như nàng Đỗ-Tuệ nương (3) lại được sống lại bên đình mẫu đơn, nào có được đâu.

Chiều tối, chàng mới thất thểu chạy đến, mở màn, thấy nàng dung quang mịn màng. Áo quần tươi thắm, y như lúc còn khỏe mạnh. Chàng bỗng kêu to lên, giậm chân xuống đất, hộc máu ra hơn một thùng. Kể chàng nhặt được một cuốn thơ, một bức di trượng và một bức thư gửi cho phu nhân Mỗ. Chàng mở ra xem, lời lời đau xé. Cuối bức thư có bài thơ tuyệt cú. Chàng kêu lên rằng : « Ta phụ nàng ! Ta phụ nàng ! »

Người vợ cả biết chuyện giận lắm, chạy đến đòi bức tranh. Chàng giấu bức thứ ba đi, đưa ra bức thứ nhất. Lập tức bức này bị đốt cháy. Người vợ lại đòi tập thơ. Thơ đưa ra cũng bị đốt nốt.

Thơ hay ở đất Quảng-đông bị tan tác, Từ đấy là hết, buồn thay ! Trong lúc cơn ghen như lửa nóng ngất cháy, sao anh chàng kia không lấy giấy má tin tức mà lộn sòng. Vay tội không phải tự người vợ mà chính ở chàng ! Kịp khi người ta lục tìm bản thảo, không còn chi nữa.

May khi nàng sắp mất có mấy chiếc xuyên hoa, tặng cho con gái nhỏ của nàng, bọc vào hai tờ giấy. Chính ở những tờ giấy ấy, người ta thấy có thi ca của nàng. Tất cả được 9 bài thơ tuyệt cú, 1 bài cổ thi, một bài từ cộng với bài thơ gửi cho Mỗ phu nhân là 12 thiên.

Bài cổ thi chép rằng :

雪意閣雲雲不流
舊雲正壓新雲頭
米顛顛筆落窓外
松嵐秀處當我樓
垂簾簾又怕風絲繞
捲簾捲簾垂底事難
不爐烟漸瘦蕭聲小
又是孤鴻淡悄悄

Xem tiếp trang 18

THƠ ĐƯỜNG Ở NHẬT - BẢN

Số 6

của BÁCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

Bát-Phan-Công

Kết phát từng quân cung tiễn
Bát châu thảo mộc thức uy
Bạch kỳ bất động, binh doanh tĩnh,
Lập mã biên thành khán loạn

Lại Sơn Dương

Dịch nôm

Thơ vịnh Bát phan Công
Búi tóc, đeo cung, mạnh-mẽ
Tiếng-tầm, cây cỏ tám châu
Trong dinh im lặng, hàng cờ
Gò ngựa, nhìn chim nháo-nhác

Lời giải và lời bình:

Búi tóc. - Ở Nhật, về thời trung cổ, các nhà vũ-sĩ thường cạo sạch tóc phần trước trán cho đến giữa đầu, chỉ để phần sau gáy, rồi bới ngược cao lên đỉnh. Một lối trang sức đặc-biệt của đạo vũ-sĩ. Đây là nói dáng điệu hăng hái mạnh mẽ của Bát-Phan.

Ở Nhật-bản, trước thế-kỷ thứ 12, có cuộc phân-tranh chiến-dấu to lớn của hai họ võ-gia, mà cũng là hai ngành của hoàng-tộc, rất có thể-lực là họ Bình-thị

(Taira) và họ Nguyên-thị (Minamoto) Tức là thời-kỳ nam bắc phân tranh quyền chính, như ta về thời-kỳ chúa Nguyễn và chúa Trịnh giành nhau mỗi người cát-cử một địa-phương.

Họ Bình-thị ở Nam, hiệu cờ đỏ, Họ Nguyên-thị ở Bắc, hiệu cờ trắng. Trong bài thơ có chữ Cờ trắng là ý nói hiệu cờ của họ Nguyên-thị

Bát-phan Thái-lang Nghĩa-gia (Mata Ronyosi Ie) là người của họ Bình-thị ở Nam. Bát-phan tuổi còn nhỏ đã ăn-vận theo lối võ sĩ, đeo cung mang tên, băng-bái theo cha đi đánh trận.

Năm Khoan-trị nguyên-niên, tháng chín, Bát-phan theo cha, đánh với binh Nguyên-thị phương Bắc ở bên thành Kim-trạch.

Hôm đó, binh Nam-phương, Bình-thị kéo đến công phá trại binh bên địch. Thì trong binh-danh Bắc-phương, Nguyên-thị yên lặng, «ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trĩ-tràng» làm ra thái-độ không phòng bị.

Bát-phan Thái-lang không khinh suất tiến quân, gò ngựa

lại xem tình-hình trận thế, thì đằng sau thành thấy có những con hồng con nhạn bay tán loạn, kêu riu-riu từ chỗ bụi cây đám cỏ bay lên. Thấy thế, Bát phan đoán ra chỗ đó tất có phục binh, vì loài chim thấy có người ẩn núp mà kêu bay lên vậy.

Nhân đoán được đúng cơ mưu bên địch mà trận đó Bát phan Thái lang đại thắng binh Bắc-phương.

Thơ này là thơ vịnh Bát phan Công mà điếm vào chỗ «bạch kỳ bất động» và chỗ «khán loạn hồng» đó để tán mỹ về trí lanh lẹ sáng sủa của vị thiếu-niên có tài làm tướng

Gò ngựa nhìn chim nháo nhác bay.

Câu thơ của Lại Sơn Dương ý tứ gói ghém mà lời lẽ hàm-súc, chỉ một vài nét mà điếm được đặc sắc của câu chuyện.

Tính cách có giống như những câu của Cao Thích vịnh chuyện «Tu Giả, Phạm Thư»:

Bất tri thiên-hạ sĩ

Do tác bổ-y khan.

và câu ở sách Việt-sử tổng vịnh của vua Tự đức vịnh Nguyễn-Trãi:

Công thành dĩ ái Côn-sơn
hừng,

Kỳ nại nga-mi bất hứa hoàn!
(Còn nữa)

BÁCH-THẢO-SƯƠNG, Tiên-nữ

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, đề chứa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản-chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dẫn được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cáo. — T.T.

At n p n n v i e t t h u - t r a o
đôi ý kiến về các vấn đề
tinh thần xin gửi đến

Monsieur **Tứ - H à i**

Bolte postale no 74 - Saigon

Triết-nhân Đông - phương

HOÀN-CẢNH XÃ-HỘI CỦA MẶC-TỬ

HOA-BÀNG

Từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, không cứ thời nào và ở đâu, một học-thuyết, một chủ-nghĩa ra đời, bao giờ cũng có viễn-nhân và cận-nhân, chứ không phải nảy ra một cách ngẫu-nhiên, không trước-lạc.

Muốn khảo cứu học-thuyết của Mặc-tử, ta nay cần phải đề ý đến hai phương-diện :

1. — Trạng - thái xã - hội và chính-trị của thời-đại Mặc-tử ;
2. — Trào-lưu tư-tưởng của thời-đại Mặc-tử.

Vấn biết tư-tưởng, học-thuyết của Mặc-tử là « con đẻ » của hoàn-cảnh xã-hội bấy giờ, nhưng ta nay không nên quên thời-gian mà nhìn cổ-nhân bằng con mắt quá « mới ».

Không nên phụ-họa với nhà học-giả Lương Nhậm-Công vì nhiệm những tư-tưởng của tân-học mà nhìn Mặc-tử theo một quan-niệm mới, như Lương đã nói trong *Mặc-tử học-án* trang 7 : « Mặc-tử chú-ý đặc-biệt vào việc cải-tạo cách tổ-chức về kinh-tế, muốn xây-dựng một xã-hội hỗ trợ, lấy lao-lực làm bản-vị ».

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM

Trịnh - như - Tầu

- 1 — Hưng yên địa chí Op.80
- 2 — Bắc giang địa chí 1 50
- 3 — Trịnh gia chính phủ 0.40

Đều có bán tại
Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Thực ra, Mặc-tử chỉ là một nhà học-giả duy-tâm, một nhà xã - hội không-tưởng, ôm một dực-vọng lớn-lao là muốn thiên-hạ yêu-thương lẫn nhau, làm lợi lẫn nhau, đề đi đến bước hòa-bình cực-lực.

Tư-tưởng ấy là tư-tưởng bác-tế phủ-độ của Phật, là tư-tưởng tìm đến Lạc-viên của Cơ-đốc.

Nên nhớ : ở Tàu vào khoảng Xuân - thu và Chiến - quốc ấy, thiên-hạ loạn-lạc, nhân dân lầm than, đời sống của đại-chúng hồi đó bị ngắc-ngỏi âm-thăm dưới những lớp mây tối-tăm, lượt mù âm-đạm. Vì vậy, những nhà hiền - triết đương - thời ai cũng ôm chung một mối lo dân thương nước, cố tìm lấy con đường sinh lộ, mong làm như ông Moïse : đưa dân-chúng thoát vòng khổ-sở, đến xứ Chanaan tinh-thần đượm sữa và mật.

Đứng trước tình-thế xã-hội ấy, Mặc - tử cũng như nhiều nhà khác — Nho-gia, Danh-gia, Pháp-gia, Đạo-gia và Nông-gia, v. v. — đắp riêng lũy, xây riêng thành, cao phất lá cờ « tư-tưởng », không ngoài cái đích bênh-vực cho địa vị và quyền - lợi của những người cùng một khuynh-hướng, cùng một cảnh ngộ với mình và, đồng-thời, đề mưu cuộc giải-cứu cho hạng dân-chúng đương lâm vào cảnh nước sôi lửa nóng.

Một khi tư-tưởng đã trái nhau vì chính-kiến, vì quyền lợi, lẽ tất nhiên phải có những cuộc kích-bác nhau, xung đột nhau về tinh - thần. Vì ai cũng cốt

muốn xưng-minh chủ-nghĩa của mình, mong truyền rộng cho mọi người tin theo để đạt đến tuyệt đích của cuộc đời lý-tưởng.

« Bàn cãi nảy ra tia sáng chân lý ». Trong tư-tưởng giới bấy giờ, người Trung-hoa đã nhảy được những bước khá cao và khá dài là do thời thế đã tạo nên như thế.

Mặc - tử, cũng như chư tử khác, muốn cho chủ-nghĩa mình được thực hiện, tất phải một mặt suy-nghĩ cho thật nhiều, tư-tưởng cho thật mạnh, và lý-luận cho thật danh-thếp, cố vượt lên trên những địch thủ, đề gây lấy một tín-lực giữa vòng đại chúng, một mặt lại phải đánh đổ các học-phái khác, quét sạch những sức phản - động, mới mong hát được bài đặc-thắng một cách vẻ-vang.

Mặc-học có nhiều chỗ cao thâm và thiết-thực, một cơ chính cũng vì tình-bình xã hội xô-dẩy và lý - thế bắt-buộc như thế.

Nay xin nhìn thẳng vào sự thực của xã-hội Mặc-tử đang ở để ta khảo cứu về học-thuyết của Mặc được tinh-tường và chặt chẽ hơn.

Nhắc lại : Mặc-tử là người ở vào khoảng sau Khổng-tử và trước Mạnh-tử, tức vào khoảng từ năm 1 - 10 đời Chu Định-Vương đến năm 12-20 đời Chu An-Vương (từ năm 468-459 đến năm 390 - 382 trước Tây lịch),

Bấy giờ Chu-thất Đông thiên đã lâu rồi.

Nay thử mở lại mấy trang lịch sử Trung-quốc : Khi nhà Chu đã dời về phía Đông, có Tấn, Trịnh, Lỗ là những nước Hầu mạnh hơn hết. Về sau, Lỗ, Trịnh suy yếu, thì đến thời đại Ngũ bá lần lượt kế nhau cầm tai trâu, làm minh chủ, lấy nê Thiên tử, sai khiến mọi nước Hầu khác. Tới nửa dưới đời Xuân thu, lại là thời đại Tấn, Sở tranh bá. Bước sang đầu đời Chiến-quốc, những nước Hầu nhỏ dần bị giết hết, chỉ còn lại bảy nước hùng-cường — kêu là Thất hùng, tức Tần, Sở, Tề, Yên, Hàn, Triệu và Ngụy — gườm ghè nhau, chống - trở nhau. Đó là thời đại Tiên Tần.

Trong khoảng thời gian từ năm 700 đến 249 trước Tây-lịch ấy, trang sử Trung-quốc thật đã viết đầy những chữ máu rợn-rùng ; biết bao nhiêu bang đã phải xóa nhòa trên mặt bản đồ, biết bao nhiêu người đã phải làm mồi cho thần Tranh-chiến ! Một cảnh thảm-khốc bày ra trước mắt mọi người ! Một nỗi đau-dớn, một cơn khủng-hoảng làm cho những người quan-lâm đến thời-cực tất phải suy-nghĩ, lo-toan. .

Sinh vào cuối Xuân thu đầu Chiến-quốc, Mặc-tử là người được chứng kiến những cuộc loạn-ly ấy. Phải, chính mắt Mặc-tử đã thấy những tấn thảm-kịch lần lượt diễn ra : Tam gia là Hàn, Triệu, Ngụy chia ba nước Tấn ; họ Điền cướp ngôi nước Tề ; Sở, Việt rất cường thịnh, rồi đến lượt nước Tần nổi lên, ngốn nuốt dần dần những nước nhỏ yếu : không mấy ngày không có cuộc « giết người đầy thành, thịt người đầy nội ». Biết bao thế gia hàng mấy trăm năm đến bấy giờ không còn mấy nhà được tuyển vẹn. Nhân dân sống trong

cảnh lo sợ, hồi hộp, bấp bênh.

Vả, đến giữa đời Xuân-thu, cái xã-hội phong-kiến và lối chính-trị giai-cấp của đời cổ đã phát-đạt một cách cực đầy đủ ; nhưng sau đó dần dần sa xuống cái vực suy đồi. Ngay từ đời Khổng-tử, xã hội Xuân thu đã bày ra những trạng-thái mục nát, khiến nhà đạo đức ở nước Lỗ kia phải lớn tiếng than phiền về rối thiên hạ vô đạo. Song Khổng-tử chẳng qua chỉ muốn cứu chữa những cái lưu tệ ở đương thời để khôi-phục lại những chỗ tốt lành đã có sẵn, chứ không có tư-tưởng cải tạo cái xã hội ấy cho thành mới hẳn.

Đến đời Mặc-tử, thời thế biến thiên, kinh tế đổi khác, phái quý tộc và phú-tộc càng ngày càng xa-xỉ, phái bình dân càng ngày càng bị bức tước xác-xơ : trong xã hội nảy ra cái hiện tượng giàu nghèo rất chênh-lệch.

Nhìn vào hạng sĩ bấy giờ, phần đông họ chỉ đua nhau câu-nệ ở cái lễ nghi phiền phức, trau chuốt ở cái hình thức vụn-vật, hùa theo những thói « thượng-văn » giả-dối phù-hiêu, chứ chẳng có gì là quan thiết đến thực tế cả. Vì cái tệ « văn-thăng » ấy ở cuối đời Chu, nảy ra một sức phản động rất mạnh : phải vụn thực, phải ưa mộc-mạc, phải chuộng tiết-kiệm, phải trở lại cái lối chất-phác, cần lao và hi-sinh của chính sách Hạ-Vũ.

Đó, những cái viển-nhân cận nhân nó dần dập lại là thế. Cái hoàn cảnh xã hội từ cuối Xuân-thu đến đầu Chiến-quốc nó phức tạp là thế.

Đáp theo tiếng gọi của thời đại, học thuyết của Mặc-Địch ra đời.

Nhưng Mặc-tử chỉ là một nhà hiền-triết đại từ, đại bi, đại thiệ,

không có quyền vị bằng ai, không có võ dũng hơn ai, thế mà muốn cứu vãn thời thế, tất nhiên phải lợi dụng cái tâm - lý tin ngưỡng của dân chúng, dựa vào tôn-giáo mà hành động.

« Thiên-chí » và « minh-quĩ » là những tín điều của đạo Mặc.

« Kiêm ái » và « phi công » là những yếu chỉ của đạo Mặc.

Trên cái nền tảng tôn giáo ấy, Mặc-tử định xây dựng cái xã hội mới, không phải mua bằng một thứ đại giá quá đắt là xương máu của nhân dân.

HOA BẮNG,

Một buổi họp

Ngày chủ nhật 22 tháng 11 này hồi 8 giờ sáng, hội Truyền-bà học quốc-ngữ có tổ chức một buổi hội họp rộng cho phụ nữ tại hội quán Trí-Tri phố Hàng Quạt Hanoi, có mấy nữ diễn giả đang dần dần thuyết đề cổ động cho hội. Xin mời các bà các cô trong thành phố đến dự cho đông để giúp một phần công sức vào công cuộc chống nạn thất học cho đồng-bào.

H. T. B. H. Q. N.

Đón coi số tới

1) Một bản dịch « Truyền ký mạn lục » từ năm 1763 cung cho ta nay một sự so-sánh rất hay về văn-học : Trong khoảng 170 năm nay, văn xuôi của ta không phải không mau tiến.

của HOA-BẮNG

2) Tháng 7, năm quí mao, 1783, chúa Nguyễn-Ánh có chạy thẩu Côn-lôn, đi ra do-thám ở Ma-lý hải khẩu và trao Hoàng-tử Cảnh cho đức cha Bá-Ba-Lô để nhờ sang Pháp cầu viện không ?

của DƯƠNG-KY

3) Đêm hội Long-trị tiêu thuyết lịch-sử của Nguyễn-huy-Tường,

NGỒI ăn trên mặt nước, bên cạnh bờ lau, rừng sậy, tôi có cảm - tưởng như Triệu - quang - Phục cầm thuyền độc-mô ở bến Dạ-trạch, chia đôi xứ ngọt với quân-sĩ trong một bữa ăn, trước khi ra trận đánh quân Trần bá-Tiên nhà Lương nước Tàu.

Ăn xong, rửa nước sông rửa tay, rửa miệng, lấy tre rừng làm tăm, nghỉ ngơi một lúc, rồi theo sau một hồi kèn «điếu cầm» liên-tiếp, thuyền nhỏ sào thẳng tiến về miền hang Puông.

Hình như sau một bữa cơm ngon miệng no-nê, mọi người đều lấy lại sức và ai nấy tỉnh thần sáng-khải : hai chú lái đò chèo chở có phần khỏe hơn trước mà các ông - lý ngồi trong thuyền cũng chuyện luôn luôn không ngớt. Tuy không có «ừu nhếp», chỉ có «thực phẩm nhếp» mà «ngôn» cũng «xuất» nhiều câu lý thú.

Đi được nửa giờ sau, trên bến có một bãi giồng ngô, có 4, 5 có con gái Thổ đội nón đưng hái bắp ngô. Một chú lái thuyền bên buồm nhờ bóng dừa :

Plei, những mi thương, oóc này mà chót chèo lừa, mà nê, năm mi, lừa bỏ pây da, mi thương mà tở !

(Chị ơi ! còn có thương thì ra đây chèo thuyền hộ, ra này nhé, nếu không, thuyền không đi rồi nước nặng, thuyền dưng im một chỗ không tiến, có thương ra ngay nhé.)

Viên Phó tổng cũng chen vào một câu :

Ồi dà ! nệm lai quá, mọi cần oóc mà tở pây, bỏ lạp ngòi đá, Chắc cậu pì noong cần đai lỏ.

(Mọi người ra đánh cá, nước to quá còn phải đề ý đến gòng nước, mình không kịp nhìn họ rồi, không biết gọi họ là anh em, chị em nhà hay là người dưng ?)

Bọn con gái bị kích thích, bên đứng trên bờ lên tiếng giả nhời :

Các thầy ạ. nư này ngòi nua lừa sông nằm lèo ngòi khầu này mà há. Các thầy ạ hay cứ đề ý nhìn mui

thuyền trước phải sẵn sóc đến việc chèo thuyền, không cần phải nhìn vào đây nhé.

Rồi các cô cười khúc khích, tiếng cười vang động một góc rừng theo sau có tiếng cười của bọn con trai dưới thuyền đáp lại họa thành một dịp đàn mộc mạc hồn nhiên...

Tới địa phận xã Cao - thượng, về bên tay phải, ngay dưới chân một ngọn núi đá cao, ngay cạnh bờ sông, thấy xuất-hiện một cái hang, trước mặt có một tảng đá to, tựa một tấm bình phong. Hang này là hang Thâm-phầy (Hang lừa). Chúng tôi cầm thuyền, lên bờ, xem hang. Ngoài cửa hang, thấy còn nhiều lửa. Cùi cháy đỏ thành than và những bếp đặt bằng ba phiến đá. Hình như vẫn có người đặt chân lên đây đun nấu. Hỏi ra mới biết các thuyền chài, hoặc thuyền bè giao thông với chợ Rã qua đây, đều cầm sào để người trong thuyền lên bến nấu ăn, nên gọi hang là Thâm-Phầy (Hang lừa) trong hang có nhiều cát trắng lóng-lanh như bạc vụn, trông rất đẹp. Tiếng nói vang đi rất xa. Dưới đây hang, có suối róc rách, như đưa khách giang hồ vào cõi mộng Đào-nguyên.

Trên vách hang, thấy có nhiều chữ quốc-ngữ tiếng thổ đề bằng than đen làm giảm mất vẻ đẹp thiên - nhiên của một nơi sơn thủy hữu tình. Cho hay dù nơi rừng xanh núi thẳm dù Kinh, dù Thổ, tùy trình độ có khác nhau, nhưng cũng cùng chung một quan niệm : muốn lưu tên tuổi cho hậu-thế, muốn phô danh hiệu với thời-gian, đến nỗi làm dơ bẩn và nhem nhuốc những nơi danh-thắng của non sông đất nước!

Sau khi ngắm cảnh, chúng tôi lại xuống thuyền chờ theo đường cũ, phần đầu với bao nỗi hiềm-nghèo, qua bao thác, vượt bao luồng nước chảy mạnh như muốn lôi cuốn, như muốn xoay xuống giòng sông đầy trường

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BÈ

Số 12

NHẬT-NHAM

Hai bên bờ sông đều là núi đá cao, bích lập. Nhìn lên ngọn núi, vách đá cheo leo, như bức tường xếp bằng những tảng đá to, không khác hình núi Đế-Thiên Đế - thích.

Thuyền pân đẹp sóng từ từ (hằng) tiến.

« Con thuyền bơi pụt đoạn khời
« Dịp chèo tiếng lái tựa với cầm ca,
« Nước máy rừng núi lướt qua,
« Còn chẳng giấc điệp trong nhà
Trang sinh »

Mặt trời gác núi, cảnh chiều hôm giục du khách mau tiến trên đường thủy-đạo. Viên phó-tổng và viên ký mục vốn là những tay thiện thủy bèn đứng lên mỗi người một con sào giúp sức lái đò đẩy thuyền cho chóng tới hang Puông. Chẳng bao lâu đến một khúc sông, trông xa có một giãy núi đá tựa một góc tường thành đặt ngang sông, khiến du khách tưởng tượng ngọn sông phát nguyên từ đây mà thuyền chỉ có tới đó là cùng đường. Tôi đương vờ vẫn nghĩ ngợi, chợt mọi người đồng thanh reo mừng : « Hang Puông đây rồi ! » Trong khi ấy thuyền đã qua khuỷa sông, tiến gần đến dãy núi đá. Dần dần trông thấy cửa hang xuất-hiện. Cửa hang hình tam giác, cao chừng 30 thước. Thì ra hang Puông xuyên qua chân núi, mở một con đường cho sông Nang chảy qua, hàng khúc khuỷu dài 300 thước tây.

Đến gần cửa hang, thuyền áp bến hữu-ngạn, cầm sào. Đoàn du-lich « đồ bộ » leo dốc lên đỉnh núi xem hang thượng. Hang thượng là một cái hang trên ngọn núi đá dưới có sông Nang xuyên qua. Cửa hang trông rất hẹp, nhưng càng vào sát càng rộng, càng cao càng tối, Bấm đèn pile, dưới ánh sáng

hiện ra một cảnh tượng rất đẹp. Thạch-nhũ rủ xuống, trông tựa ngọc-châu muôn hình vạn trạng. Ngoài cửa hang, Chính - phủ cho cheo bằng gỗ yết thị bằng chữ Pháp và chữ quốc-ngữ : « Cấm du khách không được viết chữ vào hang » Hình như xưa kia, động này đã là nơi cho dân vùng này lánh giặc ăn trốn.

Vẫn cảnh xong, chúng tôi lại xuống thuyền từ từ vào cửa hang Puông. Ngồi trên mặt nước, trông sang hai bên vách đá chúng tôi phải luôn luôn khen ngợi cái xảo-diệu của Hoá-công đã khéo an-bài ra cảnh vật ấy ! Một bên hình « Minh-tinh », một bên hình « nhà tang » nào là « mâm xôi », « con gà » chỗ này « ông phật nằm », chỗ kia tượng « sư tử », « hổ » « khỉ », lại thêm nhiều đồ « nhả tự », lạ nhất là trên nóc hang có nhiều đường đỏ, người Thổ truyền là những vết chân rồng. Tiếng nói chuyện của chúng tôi vang rất xa. Các chức - dịch rất lấy làm tiếc không dự-bị đem ban pháo đi theo đề đốt, vì tiếng pháo có nhiều tiếng vang nghe rất vui tai. Ra gần cửa hang có mấy tảng đá, lấy sào đánh vào kêu như tiếng chuông có nhiều dư-thanh. Người ta thường gọi những tảng đá ấy là chuông trông. Giòng nước đổ vào hang xoay rất mạnh, thuyền phải vất-và mới ra khỏi hang.

*Nước non non nước hữu tình
Hang Puông vách dựng trênh vênh*

*ngất trời
Ghé thuyền áp bến thảnh thơi
Lau tùm um lá, hoa rơi dính đầu
Nóc hang phủ ám mây sần,
Ăn tảng thạch nhũ ngọc châu muôn
Xưởng thuyền ngược xã Khang
ninh,*

*Qua hang cảnh trí
xinh xinh nh.ền
bề :*

« Minh-tinh, nhà
tang » chính tề,
Hình dạng muốn
trạng, d.êm tổ hai
hàng
Rêu xanh phủ
áo Phật, tăng

*Ngư ông giấc bướm hay rằng Trạng
chầu ?*

*Chấn rồng in vết đỉnh đầu.
Chống chuông tiếng đá, khác đầu
tiếng đồng.*

*Bức tranh này của Hóa công
Con trèo dây núi, khúc sông quanh
vòng.*

*Nước non non nước xa trông
Con thuyền dừng đỉnh trên sông phật
phờ ..*

*Ngân cây vượn sóc nhầy dừa
Chénh vênh ngọn núi vạc đưa bóng
lả*

Đi được một quãng, thấy có nhiều thuyền chài xã Khang - ninh cầm sào đánh cá. Thấy nói thuyền chúng tôi về Bản-Vài, các ngư-phủ đều cho là muộn lắm rồi không thể tới trước đêm được và khuyên chúng tôi nghỉ ngay ở bến ấy với họ. Mải nhìn đàn khỉ đùa rờn trên sườn núi, chúng tôi không để ý đến câu nói, trong khi các lái đò vẫn không tỏ chút lo ngại, cứ dưng mải mê tiến. Độ nửa giờ sau, thuyền đến một cửa ngòi, bên rẽ vào ngòi này. Ngòi này là một chi-lưu sông Nang, chảy vào bãi bèo ở Bản Vài.

Bắt đầu xuôi nước, thuyền nghỉ chèo buồm theo gòng ngòi, từ từ chạy. Vì hai bên bờ ngòi có nhiều cây mọc, cành lá um - tùm che phủ trên mặt ngòi, nên mỗi khi thuyền qua lại, người ngồi thuyền phải cẩn-thận, đầu khỏi vướng vào cành cây.

Đương lúc bóng tà che phủ cảnh vật dưới màn hoàng hôn, thuyền vẫn xuôi trên mặt nước. Cứ mỗi lần đến gần một giãy cây, tất cả 12 người ngồi thuyền, trên sáu hàng ghế, đều cúi rạp xuống mặt thuyền rất đều, không ai bảo ai, theo một cái mệnh-lệnh tự - nhiên

Thông chế Pétain đã nói :

« Xưa nay chỉ có một nước Pháp, đó là nước Pháp đã giao cho bản chức sự cứu-vãn và mới hy-vọng. Các người phải theo bản chức mà hết lòng phụng-sự nước Pháp. Chỉ còn cách ấy mới g ừ được quốc-vận ».

Tôi trông thấy, vậy có một quan-niệm : Thế ra đứng trước nhẽ phải, nói rộng ra, đứng trước thầi công-lý, không cần phải uy hiếp, mà ai ai cũng phải phục tùng, không có một hạng người nào, một dân-lộ nào,

Đến gần xã Bản-vài, vì nước lừ, sông Nang chảy vào ngòi, ngập tràn lênh lang cả cảnh đồng, nên có lối rẽ ngang đi tắt vào làng rất gần. Vùng này có nhiều thuyền chài đánh cá, hiện ra cảnh-tượng một ngư-thôn dưới bóng tịch dương miền sơn-cước. Tiếng hát ngư-phủ vắng vắng xa xa, như giục cơn buồn người lữ khách !

Một dãy nhà ẩn hiện trong bóng ác tà, dưới chân núi, trên bến nước, phong-cảnh thực xinh ! Đến bến, đã thấy ông Lý trưởng Bản Vài đứng chờ và lên tiếng chào mừng chúng tôi.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Sách mới.

Tri-Tân vừa mới nhận được :

1) *Thánh Gandhi và In-hồ Tagore* (hai bậc vĩ-nhân Ấn-Độ) do Hồng-Lam. soạn, Giang-Tả xuất-ban.

Sách giấy 112 trang, giá 0 p. 70

2) *Lạp Kiêu của Tạ Poan* do nhà Nguyễn-Du xuất-ban.

Sách in bằng giấy bán, giấy 120 trang, giá bán 1 p. 00

3) *Việt-nam Cổ văn học sử* có tựa của ông Trần-văn-Giáp, bặt của cụ Huỳnh Thúc Kháng do nhà Han-Tuynh Hanoi xuất-ban. Dày 450 trang Giá 4. 50

Xin cảm ơn các tác-giả, nhà xuất-ban và vui lòng giới-thiệu cùng bạn đọc.

DỊCH THƠ TÂY

La nuit de Mai

A de Muese!

Le Pélican

Quel que soit le souci que ta jeunesse endure,
Laisse-la s'élargir, cette sainte blessure
Que les noirs séraphins t'ont faite au fond du cœur
R'en ne nous rend si grands qu'une grande douleur.
Mais, pour en être atteint, ne crois pas, ô poète,
Que ta voix ici-bas doive rester muette.
Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en sa's d'immortels qui sont de purs sanglots.

Lorsque le pélican, lassé d'un long voyage,
Dans les brouillards du soir retourne à ses roseaux,
Ses petits affamés courent sur le rivage.
En le voyant au loin s'abattre sur les eaux,
Déjà, croyant saisir et partager leur proie,
Ils courent à leur père avec des cris de joie,
En secouant leurs becs sur leurs goîtres hideux.
Lui, gagnant à pas lents une roche élevée,
De son aile pendante abritant sa couvée,
Pêcheur mélancolique, il regarde les cieux.
Le sang coule à longs flots, de sa poitrine ouverte,
En vain, il a des mers fouillé la profondeur :
L'océan était vide et la plage déserte ;
Pour toute nourriture il apporte son cœur.
Sombre et silencieux, étendu sur la pierre,
Partageant à ses fils ses entrailles de père,
Dans son amour sublime il berce sa douleur,
Et, regardant couler sa sanglante mamelle,
Sur son festin de mort il s'affaisse et chancelle.
Ivre de volupté, de tendresse et d'horreur,
Mais parfois au milieu du divin sacrifice,
Fatigué de mourir dans un trop long supplice,
Il craint que ses enfants ne le laissent vivant,

CHIM BỒ NÔNG

Ưa-tư mấy, thiếu thời chi kè,
Mặc thương kia cho xé can trường ;
Chỉ điều đau đớn phi thường
Mới hay tạo nôi phi thường vĩ nhân.
Nhưng chớ tưởng, hỡi chàng thi-sĩ
Khi đau nhiều thì chỉ cần rằng.
Xưa nay những khúc đoạn trường
Vẫn là những điệu cung thương xuất trần.
Mà ta biết bao thiên bất hủ,
Được người người truyền thụ đề đời,
Chỉ là những tiếng khóc dài,
Oán hờn thồn thức, ra nhời đó thôi...
Bồ nông nọ xa xôi lặn lội,
Lúc ngày tàn sức cội hầu tàn,
Trong sương bao quản gian nan,
Quay dần về tổ giữa làn sậy lan.
Trên bãi cỏ, lau nhau một lũ
Bồ nông con đôi rữ ngóng trông.
Thấy đằng xa, khoảng nước nông,
Chim cha xà xuống, chạy đông đón dẫn.
Đã tưởng được cùng nhau xâu-xé
Mồi của cha ngoài bể kiếm về,
Vui mừng, ríu rít, sun soe,
Bệnh riều, vầy mớ, trông ghê rùng mồi.
Bồ nông bỏ làm thỉnh nhấc cẳng,
Hòn đá cao thủng thẳng bước lên,
Ủ con, cánh xã hai bên,
Mắt buồn rời rợi, trông miền giới cao.
Tứ ngực xẻ, máu trào như suối,
Uồng công trình tìm bới bề khơi :
Bề không cá lội, sò phơi,
Mồi con không có, đành moi tìm đào.
Năm lẳng lặng, rầu rầu trên đá,
Xẻ con thơ gan dạ cha già,
Chút tình phụ tử thiết tha
Đủ ru hồn diếng, đủ chà xác đau.
Nhìn trước ngực máu đào tuôn chảy
Hồn say mê, thương, khoái rợn rùng,
Lao đao gục xuống giữa vòng,
Trước bàn tiệc chết, phơi lòng hi-sinh.
Song có lúc giật mình lo sợ,
Đường hi sinh dài quá sức này.
Sợ không chết thoát được ngay,
xem tiếp trang 10

TƯ-ĐIÊN

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Thí-dụ muốn tìm số biểu-hiệu của chữ thiên 天 phải đếm : Nét ngang, hai biên số 2, nét sỏ không có, biên Zéro vào sau số 2, là 20 ; nét phẩy xuống, một biên số 1 sau số 20, là 201 ; nét móc một, biên số 1 sau số 201, là 2011 ; những nét khác, không có biên Zéro vào sau cùng, thành số 20.110. Hạng nào quá chín, chỉ lấy chín thôi. Theo phương-pháp ấy, Vương-vân-Ngũ đã tính số biểu-hiệu cho một vạn chữ, và thấy 5980 số khác nhau, nghĩa là mỗi một số, đồ-dồng biểu-hiệu cho hai chữ. Nhiều nhất có 21 chữ cùng một số biểu-hiệu. Cách này Vương Vân-Ngũ gọi là The quantitative numéral system 筆數碼法, or the Numéral system for arranging Chinese characters 號碼檢字法. Mới xem hình như rất giản-dị. Nhưng kỳ thực rất phiền-phức, vì đếm nét không đã khó rồi, huống chi lại chia ra từng hạng mà đếm. Tìm số biểu hiệu của một chữ, khác gì làm một bài tính ra cho thí-sinh sơ-học-yếu-lược. Vương Vân-Ngũ cũng biết là bất-tiện, nên cách ba năm về sau, lại phát-minh ra một cách mới nữa gọi là Four corner Numéral system 四角號碼檢字法.

Lệ thứ nhì — Mỗi chữ có bốn góc, lấy số góc phải theo thứ-tự từ bên tả sang bên hữu từ trên xuống dưới Thí-dụ ;

Bìa văn-miêu

Những ông nghề triều Lê

Số 42

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TÔ

Khoa Ất-mùi, năm 1475, được mười ba người đỗ đệ nhị giáp, tức là tiến sĩ xuất thân:

1. — Phạm-Sán, người xã Lôi-dương, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm ba mươi hai tuổi (chép theo *Đặng khoa lục*, sách in bằng chữ nho, quyển 1 tờ 19 b; sách viết, như quyển *Đặng khoa bị khảo*, số A 485 của trường Bác-cổ, quyển Hải-dương, tờ 12 a, thì chép đỗ năm hai mươi hai tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm. Là em Phạm-Lỗ: anh em cùng làm quan đồng triều, đều đỗ nhị-giáp.

2. — Trần-Thâm, người xã Nhị-trai, huyện Thiện-tài nay là Lang-tài, phủ Thuận-an (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a. Làm quan đến Tham-chính (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 121 v).

3. — Ứng-ngạn-Lượng, người xã Hưng-hiền, huyện Thượng-phúc, phủ Thương-tín. Đỗ năm hai mươi tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm viện hiệu-thao (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 21 a).

4. — Vương-Hiền, người xã Mặc-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm hai mươi bốn tuổi. Làm quan đến Hiến-sát-sứ (*Đặng khoa*

lục, quyển 1, tờ 20 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 56 b).

5. — Nguyễn-tấn-Vỹ, người xã Lôi-xá, huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Đề-bình-giám-sát-ngự-sử (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 28 b).

6. — Lê-quảng-Du, người xã Lỗ-hiền, huyện Lôi-dương, phủ Thiệu-thiên, tỉnh Thanh-hóa. Đỗ năm ba mươi chín tuổi. Có đi sứ làm quan đến Giám-sát-ngự-sử (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a).

7. — Phạm-hưng-Văn, người xã Đông-hới, huyện Thanh-lan, phủ Tân-hưng. Làm quan đến Hộ-khoa-đô-cấp-sự-trung (chép theo *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 94 b; *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a, chép làm quan đến đô-ngự-sử). Tháng 11 năm đinh-tỵ 1497, hiệu Hồng-đức thứ 28 phụng mệnh sung chức chánh-sứ sang nhà Minh, cáo về việc tang vua Lê-Thánh-tôn, 1460-1497, mất giữa đường, truy tặng Hình-bộ-thượng-thư (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 24, tờ 26 a).

8. — Đỗ-tri-Trung, người xã Hạ-mỗ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm Ba-mươi-bảy tuổi (theo *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 a; còn *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, thu-tập-thượng, tờ 3 b, chép đỗ năm hai mươi bảy tuổi). Làm quan đến tự-khanh.

9. — Kiều-Phú, người xã Lạp-hạ, huyện Ninh-sơn, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây (*Đặng khoa bị khảo*, thu-tập-trung, tờ 36 a, chép là huyện Yên-sơn; bìa Văn

miêu khác là huyện Ninh-sơn). Đỗ năm hai mươi chín tuổi. Làm quan đến Tham-chính. Cùng với Vũ-Quỳnh soạn bộ *Lĩnh-nam-trích-quai*.

10. — Nguyễn-Hịch, người xã Nội-duệ, huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn. Làm quan đến Quốc-tử-giám-tư-nghiệp. Là con Nguyễn-thiên-tích, đỗ khoa hoàng-từ năm 1431, là ông Nguyễn-bình-Quân, đỗ đệ-nhị-giáp năm 1553; lũy-thế-đăng-khoa (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b).

11. — Đỗ-Toàn, ở *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b, chép là Đỗ-Da-ệ, người xã Yên-bà, huyện Phụ-dực, phủ Thái-bình. Huyện Phụ-dực đổi là Phụ-phượng, sau đổi là Phượng-dực. Đỗ năm bốn mươi hai tuổi. Làm quan đến Tham-chính. Con là Đỗ-Toại, đỗ tiến-sĩ khoa bính-thìn 1496, chán là Đỗ-Cảnh, đỗ hoàng-giáp khoa giáp-tuất 1514, đều làm quan đến thị-lang; ba đời đỗ đại-khoa (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b; *Nam-sử-tập-biên*, quyển 3, tờ 71 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 3 b).

12. — Vũ-mẫn-Trí, người xã Khuê-chương, huyện Kim-thành, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b, chép làm quan đến Đoán-sự; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 91 a, chép làm quan đến Tham-chính.

13. — Nguyễn-Tuấn, người xã Đại-lan, huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu. *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 20 b, chép làm quan đến Hữu-thị-lang; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 60 b, chép làm quan đến Đô-ngự-sử.

Còn nữa

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TÔ

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70. Bach-mai - Hanoi zone

Vì sao Nguyễn-Du cảm.....

Tiếp theo trang 8

Cửa vãn chính áp lán vãn đầu.
Mê Diên-Điền bát lạc song ngoại.
Tàng lam tá xú dương ngã lán.
Thùy liêm chỉ sâu hảo cảnh thiêu.
Quỳnh liêm hựu phạ phong liễu
Liêm quỳnh, liêm thùy đề sự nan.
Bất tình, bất tự thùy năng hiểu
Lô yén tiếm sâu, tiếm thanh tiêu.
Hựu thị cô hồng lệ tiểu tiêu.

Dịch nôm :

Trên gác Tuyền ý có mây, mà mây
không trôi đi,
Cho nên mây cũ đè ngay lên trên
mây mới.
Xưa ngói bát vè của Mê-Điền-Điền.
(5) dề ý ra ngoài cửa sổ,
Nay khóm thông, chỗ tươi tốt, lại
chĩa vào lầu ta.
Buông mảnh xuống. thì chỉ sợ thấy
lì cảnh đẹp.
Cốn mảnh lên, lại sợ gió chạy
quanh vào.
Cốn mảnh hay buông mảnh cũng là
sự khó nghĩ.
Không đem tình tự kể ra như thế,
thì có ai hiểu cho.
Kìa than trong lò vạc dầu, tiếng cháy
kêu đã nhỏ.
Này lại còn chim hồng cổ độc, nước
mắt chảy chan hòa.
Thơ tuyệt cú như sau này ;

Khê thả Từ-Vân đại sĩ tiền :
Mạc sinh Táy-thỏ mạc sinh thiên,
Nguyễn vì nhất trích dương chi thủy
Sải tác nhân gian tịnh để liên.

稽首慈雲大士前
莫生西土莫生天
願為一滴楊枝水
洒作人間並蒂蓮

Dịch nôm :

Cúi đầu lạy trước Đức Từ Vân đại
sĩ,
Nguyễn kiếp sau chớ sinh ở cõi Phật
cũng đừng sinh ở cõi Trời
Chỉ nguyện xin làm một giọt nước
cánh dương,
Đề tưới khắp những hoa sen cùng
một cõi

II

Xuân sam huyết lệ diêm khinh xa,
Xuy nhập Lâm-Bồ sử sộ gia
Linh thượng mai hoa tam bách thụ

Nhất thời ưng biến đồ-quyên hoa.

春衫血淚點輕紗
吹入林逋處士家
嶺上梅花三百樹
一時應變杜鵑花

Áo khoác mùa xuân bị giọt huyết lệ
giỏ xuống lần sa mỏng.
Rồi giọt huyết lệ ấy bay sang nhà sử
sĩ Lâm-Bồ (6)
Bao nhiêu hoa mai trên ba trăm gốc
ở đồi cao kia
Phát chốc biến thành hoa đỗ quyên
cả.

III

Lán trang cánh dũ họa đồ tranh.
Tri tại Chiếu dương đệ kỷ danh ?
Sầu ảnh tự lâm thu thủy chiếu,
Khanh ta liên ngã, ngã liên khanh.

新妝更與畫圖爭
知在昭陽第幾名
瘦影自臨秋水照
卿須憐我我憐卿

Dịch nôm :

Bộ trang điểm mới này càng với bức
vẽ kia, tranh nhau sự đẹp.
Không biết rằng đẹp như thế, thì
được đứng tên thứ mấy ở cung
Chiếu dương đây ?
Nhưng cái bóng gầy này thử tự lại
sọi vào mặt nước mùa thu mà coi
Thì mình sẽ phải nên thương ta, ta sẽ
phải nên thương mình.

IV

Táy-lãng phương thảo, kỳ lân lân.
Nội sứ truyền lai hoán đạp xuân.
Bối tửa tự kiều Tô-Tiên mộ.
Khả tri thiếp thị ý-trung nhân.

西陵芳草騎驎驎
內使傳來喚踏春
盃酒自澆蘇小墓
可知妾是意中人

Dịch nôm :

Gò phía tây, trên chỗ có cỏ thơm,
ngựa xe tấp nập.
Có kẻ ở trong nhà truyền tin lại
nhỏ đi tạo mộ mùa xuân.

Chén rượu này, thiếp tót tưới lên
trên mộ nàng Tô-Tiên (tức Tô Tiên-
Mộ, em gái Tô Thức)

Khả biết cho rằng : thiếp tót đây
cũng là ý trung nhân của nàng đây

Lãnh vũ a song bất khả thành,
Bãi dăng nhân khán Mậu-đơn đình.
Nhân-gian diệc hữu si ư ngã.
Khởi độc thương tâm thị Tiểu-Thanh!

冷雨幽窓不可聽
排燈悶看牡丹亭
人間亦有癡於我
豈獨傷心是小青

Dịch nôm :

Mưa lạnh-lẽo, sóng lặng-lẽ, thực là
buồn tẻ.
Thắp đèn lên, xem chuyện Mậu-đơn
đình. (4)
Ra khỏi ở nhân gian cũng có người
si như ta.
Há chỉ riêng một mình Tiểu Thanh
này đáng thương tâm mà thôi ư !

VI

Hà xứ song cầm tập họa lan ?
Chu chu thấy thủy tự thanh loan.
Như kim kỷ cá liên văn thái,
Giã hương thu phong dấu vũ hàn !

何處双禽集畫闌
朱朱翠翠似青鸞
如今幾個憐文彩
也向秋風關羽翰

Dịch nôm :

Đôi chim ở đâu đến đậu vào bao
lơn kia ?
Sắc đỏ đỏ, biêng biếc tựa như con
loan xanh.
Than ôi ! bây giờ còn ai biết yêu đến
nét văn vẽ của mi nữa,
Mà mi hứng gió thu để khoe bộ lông
cánh của mi làm chi !

VII

Mạch mạch, dung dung, diêm diêm ba
Phà dung thụ lĩnh dục như hà ?
Thiếp ánh kinh trang, hoa ánh thủy:
Bất tri tha tử lạc thụ đa ?

脉脉溶溶澹澹波
芙蓉睡醒欲如何
妾映鏡中花映水
不知秋思落誰多

Dịch nôm :

Sóng dấn lại lảng, rộn rập và chan
chứa thế ?
Hoa phù-dung kia đã tỉnh giấc rồi,
còn muốn chi nữa đây ?
Thiếp tới soi vào gương, và hoa kia
soi vào nước :
Không biết rằng từ buồn man - máo
ấy nó ở ai nhiều hơn ?

VIII

Doanh doanh kim ngọc nữ ban đầu,
Nhất khác ly-châu, chúng kỹ thu.
Trực đắc lâu tiền thân nhất tử,
Quý Luân nguyên thị giải phong lưu

盈盈金玉女班頭
一曲驅珠眾伎收
直得樓前身一死
季倫原是解風流

Dịch nôm :

Ngọc vàng rung rinh đeo, đứng đầu.
ở ban nữ nhạc.
Gầy một khúc ly-châu, bao nhiêu oán
hay của chúng thu vào cả một mình.
Cho đến khi gieo lăm thân thác ở
trước lầu. (7)
Thì biết rằng Quý Luân (8) nguyên
là một gã hiền biết thủ phong lưu lắm.

IX

Khanh tâm bất úy lưỡng phong cao.
Tạc dạ từ-thân nhập mộng dao,
Kiến thuyết Giang nam trào hữu tín
Triết-tào tranh tự quảng lãng trào.

卿心不畏兩峰高
昨夜慈親入夢遙
見說江南潮有信
浙潮爭似廣陵潮

Dịch nôm :

Lòng em không sợ hai ngọn núi
cao du ?
Mà đêm hôm qua, nằm mộng thấy
đến chỗ từ-thân của em ở.
Nghe nói nước triều ở Triết - Giang
không sai buổi bao giờ ;
Vội ra nước triều ở Quảng lãng này
chẳng ?

X

Bách kết hồi tràng tả lệ ngân.
Tràng lai duy hữu cựu chu môn.
Tịch dương nhất phiến đào hoa ảnh.
Trị thị đình-dinh thiển nữ hồn.

百結迴腸寫淚痕
重来惟有舊朱門
夕陽一片桃花影
知是亭亭倩女魂

Dịch nôm :

Ruột thắt lại trăm đoạn, ứa ra lệ
thành ngần.
Nếu tôi có trở lại duy chỉ đến chốn
cửa son cũ mà thôi.
Khi nào mặt trời xế chiều, có trông
thấy bóng hoa đào một mảnh thấp-
thoáng,
Nên biết rằng đó là hồn người con
gai trong sạch hiền hiền về thăm.
Bài thơ này là ở cuối bức thư
gửi cho Mỗ phu-nhân.

Bài từ «Thiên tiên-tử»

Văn-cơ viễn giá, Chiêu quân tái.
Tiền-Thanh hựu tục phong lưu trái.
Giã khuy nhất trận hắc cương phong.
Hỏa luân hạ,
Trìu thân khoái.
Đơn đơn, biệt biệt thanh lương giới.
Bất thị nguyên ương nhất phai.
Hư toán tổ tương-tư nhất khái.
Tự tư, tự giải tự thương lương ;
Tâm khả tại,
Hồn khả tại
Trước sam hựu nhiên quần song đãi.

文姬遠嫁昭君塞
小青又續風流債
也虧一陣黑罡風
火輪下
抽身快
單單別別清涼界
不是鴛鴦一派
休算做相思一概
自思自解自商量
心可在
魂可在
著衫又撚裙双帶

Dịch nôm :

Nàng Văn-Cơ (9), thì gả chồng xa,
nàng Chiêu-Quân phải ra ngoài cửa
đi.
Tiền-Thanh nay lại nổi cái nợ phong
lưu ấy rồi.

May mà nhờ có một trận gió mà trời,
Dưới mặt trời, cái thân này trốn ra
được một cách mau-lẹ
Lẻ loi, biền-biệt đi ở trong cõi thanh
lương.
Người ấy đã không phải một phe
với những con chim uyên ương,
Thì chó tưởng là cùng một loại với
những ai tương tư nhau đâu
Ấy hẳn chỉ một mình nghĩ, một mình
hay một mình bàn tính :

Cổt lăm lòng này còn, thì hồn này còn
Thối, khoác áo vào đi, mà vận đổi
dắt quần lại.

Những bài thơ trên đây, vì có
người họ nhà chồng nàng góp-
nhặt lại đem in, gọi là cuốn «Phân-
dư» (nghĩ là chày sót) nên mới còn
lưu đến ngày nay vậy.

LIÊN-GIANG

1, Đời Đường có chàng họ Hàn
chung tình với nàng họ Liễu ở
Chương-đài Trường-an, sau xa cách
nhau. Hàn có thơ hỏi thăm Liễu
rằng: «Hỏi thăm cây liễu ở Chương
đài, ngày trước xanh như thế, ngày
nay còn không? Dù cảnh kia còn
buông rả như cũ song có lẽ đã vò
bẻ vào tay người khác rồi.

2, Giả-Bình-Chương tức là Giả-tự-
Đạo đời Tống, làm quan đến Đồng-
bình chương-sự.

3, Có lẽ là tướng quân Dãng Hoàn
Đôn đời M nh (?)

4, Đỗ - Tuệ nương là nhân vật
chính ở truyện Mẫu-đơn-đỉnh, chết
đi chưa chôn, có tình duyên với
người học trò Liễu-mộng-mai, hiện
hồn lên giao hợp với Liễu ; sau
sống lại lấy Liễu

5, Mã-Điền-Điền tức là Mã - thị,
người đời Tống, văn hay, vẽ giỏi,
làm quan đến Lễ-bộ viên-ngoại-lang
Đời gọi là Mã-Nam-Cung.

6, Lâm - Bô, người Tiền-Đường đời
Tống, chuộng thói cờ, không bon
chen về việc danh lợi, chữ tốt thơ
hay và vẽ khéo.

7 - 8, Thạch Sùng đời Đường có
người con hát yêu là Lục-châu. Tôn
Tá có quyền thế bấy giờ đòi lấy
không được, bèn giả chiếu vua bắt
Sùng. Trước khi Sùng bị điệu đi,
Lục châu báo nghĩa, nhảy từ trên
gác nhảy xuống chết Quý luân tức
tên chữ Thạch-Sùng,

9, Văn Cơ tức Sái - Văn - Cơ giỏi
âm luật, gả cho Vệ Trọng Đạo, bị
quân Hồ bắt được, ở đất 110 năm
Sau Tào-Tháo chuộc về gả cho
Đồng-Tử.

Kỷ niệm Nguyễn-Du

Cuộc đời bí-mật của nàng Vương Thúy-Kiều, sáu trăm năm về trước

(Tiếp theo kỳ trước)

Theo bản « Ngụ sơ lân chi », lúc Từ-Hải còn vầy vùng, thế lực còn mạnh, quan Tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến khai phủ ở Chiết-giang, biết sức quân Triều-đình không phá nổi giặc, nên mới dùng đến cái tài, cái sắc của Thúy-Kiều. Nhưng trước lúc thi hành mỹ-nhân kế, Hồ-Công đã ngầm sai Hoa Lão-Nhân đem bịch dụ Từ-Hải đầu hàng. Từ-Hải nổi cơn lôi đình, bắt trói Hoa Lão-Nhân định chém. Thúy-Kiều cúi xin rằng : « Việc giết hay tha là ở tay ông, còn hàng hay không hàng có việc gì đến người lai sứ ». Từ-Hải liền tha và cho Hoa Lão-Nhân về.

Một cử chỉ thứ nhất để chứng tỏ cái dã tâm của nàng Kiều và xem qua cử-chỉ ấy đã biết nàng Kiều có nhiều thế lực về quân cơ cạnh Từ Hải.

Tiếp đến việc La Long-Văn người bạn cũ của Từ-Hải và người đã quen thân với Thúy-Kiều hồi trước. Sẵn cơ hội để lập công La Long-Văn mới nhờ hai bạn Sơn-Âm và Tư-Vị đưa chàng ra mắt Hồ-Công. Hồ Tôn-Hiến lấy tình là người cùng quê quán, ra tận thềm chào đón và bảo rằng : « ông có ý muốn công danh phú quý chăng ? nay tôi muốn dùng ông ». Từ đấy La Long-Văn có cái sứ mệnh là dụ hàng Từ-Hải. Vậy muốn đi đến sự thành công, La Long-Văn phải nhờ Vương Thúy-Kiều. Một hôm, La Long-Văn ăn mặc theo lối người hào-khiết lúc xưa, đến viếng Từ-Hải. Từ-Hải mời vào

cho ngồi thượng tọa, cùng nhấp rượu, rồi Từ-Hải nói : « Túc-bạ xa xôi đến đây, có phải làm thuyết khách cho Hồ-Công chăng ? » La Long-Văn cười mà nói rằng : « không muốn làm thuyết-khách cho Hồ-Công, chỉ nguyện làm trung thần với cố nhân thôi ». Tiệc rượu đã bày sẵn, đôi bạn vui cười xướng họa. Được nửa cuộc, Vương phu nhân, tức là Thúy-Kiều, cùng nàng Lục-Châu ra chào La Long-Văn. Thúy-Kiều vốn biết La Long-Văn là người hào-khiết, mới xin Từ-Hải sai người đến đốc phủ đề giải vây cho Đồng-hương.

Một cử-chỉ thứ hai chứng tỏ cho cái ngoại tâm của nàng Vương Thúy-Kiều.

Hồ-Công đặc ý mừng thăm, bèn theo kế La Long-Văn đem vàng bạc châu báu mật lót cho Thúy-Kiều. Ngày đêm Thúy-Kiều luôn luôn khuyên nhủ Từ-Hải nên hàng và nàng định kế trói Trần-Đông, một viên tướng tài của Từ-Hải, ước hàng cho Hồ Tôn-Hiến.

Đây là một cử chỉ thứ ba của người nữ gián điệp tài hoa : nàng Vương Thúy-Kiều.

Thưa các Ngài,

Xem truyện Kim vân Kiều của cụ Nguyễn-Du, các ngài đã biết rõ nhân cách cao-quí của chàng, tấm lòng tiết-nghĩa mà phong tình của nàng và vấn-đề hiếu và tình theo tâm-lý nàng. Cụ Nguyễn-Du với 3254 câu thơ đã trau chuốt nên một người thực-

nữ đủ điều hiếu nghĩa để làm gương cho nữ-giới. Vậy có lẽ nào nàng Kiều lại ngửa tay ăn của lót của một người định giết hại chồng mình ? Như thế cũng đủ tỏ ra Vương - Thúy - Kiều chỉ là một tay sai của La - long - Văn, người mà Hồ-công đã cho làm thuyết - khách cùng Từ - Hải, người đã giúp cho triều - đình nhà Minh thành công sau này,

Hơn nữa Vương - Thúy - Kiều một tay thực-nữ có đủ can - đảm hy-sinh đời mình để báo hiếu cho cha, có lòng luôn luôn thờ phụng một chủ tình đáng giá đối với chàng Kim-Trọng như là :

«Vội mừng làm lễ rước vào,

«Đài sen nổi sập, song đào thêm hương.

«Tiên thề cùng thảo một chương,
«Tóc mây một món, dao vàng chia hai.

«Vầng trăng vắng vặc giữa trời,
«Đình ninh hai mặt một lời song song,

«Tóc tơ căn vặn tấc lòng.

«Trăm năm lạc một chữ đồng đến xương»

Trước cảnh biệt - ly Thúy - Kiều xin nguyện :

«Cùng nhau trót đã nặng lời,

«Dẫu thay mái tóc dăm dôi lông tơ :

«Quản bao tháng đợi năm chờ,
«Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thăm ;

«Đã nguyện đôi chữ đồng tâm,
«Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai ? »

Mãi khi đã sống cạnh Từ - Hải
nàng Kiều vẫn đinh-ninh :

«Đoái thương muôn dặm tử phần,
«Hồn quê theo ngọn mây Tần xa
xa,

«Xót thay huyền cỗi, xuân già,
«Tấm lòng thương nhớ biết là có
người :

«Chốc là mười mấy năm trời,
«Còn ra khi đã da mồi tóc sương :

«Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
«Dấu lia ngổ ỷ, còn vương tơ lòng:
«Duyên em đầu nối chỉ hồng,

«Còn ra khi đã tay bông, tay
mang

«Tắc lòng cố quốc, tha hương,
«Đường kia, nỡ: nợ ngồn ngang
bời-bời,

Nhớ gia - đình, nhớ tổ - quốc,
Vương thúy-Kiều đã tỏ ra một
người luôn luôn nghĩ đến phận-
sự của mình.

Vả lại, lúc Thúy-Kiều đã đường
đường trở nên một bậc phụ nhân
của Từ-Hải, làm bá-chủ cả một
giang-sơn thì :

«Nghênh ngang một cõi biên thùy,
«Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá
vương»

Ngọc - ngà, châu báu, danh-
giá, hạnh-phúc, không thiếu sót
món gì, sao Thúy - Kiều lại còn
tham-lam những báu - vật của
Triều-dinh mặt cho nàng ?

Lại khi thấy Từ-Hải sát hại
quá nhiều quân binh của nhà
Minh, trước cái thảm cảnh của
người đồng chủng vì nước bỏ
mạng, Thúy-Kiều đã kêu rên
mấy tiếng quá lão nùng :

«Ngẫm từ khởi việc binh đao,
«Đồng xương vô định đã cao
bằng đầu».

Một người nhi-nữ thường tình
dâu lại có những ý-tưởng tốt đẹp
cao quý ấy, thây những xác chết
phơi trắng bãi chiến-trương mà
động lòng xót-xa, đau - đớn, thì
có phải là một bậc tiên - thư có
cái quan-niệm tôn quân, ái quốc
lắm ra ?

Những nguyên-do và tài - liệu
ấy đều chứng rõ cho tư-cách của
nàng Kiều, của một nữ gián-diệp
có tài lỗi lạc, có trí khôn - ngoan
cũng như các bậc phụ nữ gián-
diệp có tài lỗi-lạc, có trí khôn
ngoan cũng như các bậc phụ nữ
gián-diệp Âu-Mỹ vào thời Âu-
châu đại chiến vậy Hy-sinh đời
mình để phụng sự tổ quốc, đó
chính là cái thiên-chức của các
bậc kỳ-nữ ấy.

Sau này, muốn biết rõ thêm
đời tư của Vương - thúy - Kiều,
các Ngài nên xem qua tập *Lục-Dạ
Tiên-Tôn* của người Tàu ? Trong
bản ấy tác-giả chép rằng về tr ều
Minh có thủ - tướng Nghiêm-
trung lo việc hành - chính cho
vua Gia-Tĩnh. Nghiêm-Trung có
con trai là Ngh ên thế-Paôn, một
vị quan trẻ tuổi, có quyền-thế ở
triều. Còn La-long-Văn chỉ là một
du-khách, nhà giàu có, theo thú
săn bắn và tập luyện võ - nghệ
Trên bước đường giang-bồ, La-
Long-Văn mới gặp Kiều nhi hồi
nàng còn nhỏ La long Văn đem
về nuôi dưỡng, và tập cho đàn
hát, không ngờ Kiều - nhi rất
thông-minh, họcđau nhớ đó, đàn
sáo rất hay. Càng lớn lên, nàng
càng mỹ - lệ yêu - kiều. Sự thật
thì nàng Kiều chỉ là một con hát
có tài có trí và La-Long Văn đã
dùng nàng làm gián-diệp đánh
đổ giặc Từ-Hải.

La-long-Văn vốn môn - khách
của Nghiêm-thế-Paôn, con thủ-
tướng Nghiêm - Trung. Vì thế,
Nghiêm-thế-Phồn mới cậy nhờ
La-Long-Văn dùng kế đem nàng
Kiều ra đóng vai của Tây - Tai,
biết rằng nàng Kiều có đủ tư-
cách đảm nhận công-việc ấy.

Từ đó, La-long-Văn mới cho
Thúy-Kiều song cuộc đời lưu-
lạc nay đây mai đó, với cái ý
định gặp Từ-Hải.

Bởi trước Từ - Hải là ngư i
hiếu-sắc đa tình, nên khi gặp Từ,
Làng Kiều được trọng đại hơn

người, xem như cuộc đón rước
nàng

«Giop binh kéo đến quanh nhà
«Đồng thanh cùng hỏi : Nào là
phu nhân ?

«Hai bên mười vị tướng quân,
«Đặt quơng cỡi giáp, trước sân
khấu đầu.

«Cung nga thế nữ theo hầu,
«Rằng : vâng lệnh chỉ, rước châu
vu qui...»

Được Từ-Hải quý chuộng, tin
cậy, cho dự vào cả các việc quân
cơ bí-mật, nên sau này, nàng
Vương-Thúy-Kiều mới làm xong
cái phận-sự khó khăn của nàng
mà thủ-tướng Nghiêm-Trung đã
phức-thác cho nàng theo lối gián-
tiếp vậy.

Nói tóm lại, theo bản *Ngũ-sơ
Tân-Chí* và *Lục-Dạ-Tiên-Tôn* của
người Tàu, thì nàng Vương-thúy
Kiều chỉ là một nữ ca-kỹ hồi nhỏ,
lúc lớn lên triều Minh đã dựng
làm nữ gián-diệp

Sau này, nhân lúc sang sứ Tàu,
cụ Nguyễn Du, hoặc xem *Ngũ-
Sơ Tân Chí*, hoặc xem truyện
của Thanh-Tâm Tài - Nhân, cụ
mới phỏng theo một trong hai
chuyện ấy và phụ thêm rất nhiều
ý tưởng của cụ mà chép ra
truyện *Kim - vân - Kiều* Câu
chuyện tuy mô phỏng theo truyện
Tàu, nhưng các nhân vật trong
truyện của cụ hoàn-toàn mới.
Cụ chỉ mượn cái tài lỗi - lạc, cái
sắc khuynh quốc khuynh thành
của một cô gái đã tận trung với
tổ-quốc mà đem mình hy - sinh,
dấn thân vào một cuộc đời đầy
nguy-hiểm gai - góc với cái ý
tưởng cao quý là cứu quốc khỏi
nạn ; chỉ vì lòng mến phục, nên
cụ Nguyễn-Du mới hình dung ra
một nàng Kiều thanh-bạch, lịch-
sự, đoan hiền, trợn tình, một nhân
vật hoàn toàn làm k ều-mẫu cho
phụ nữ đời sau

HẾT

HOANG-DIỆP

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 20

của CHU-THIÊN

TÁI-TẠO chấp tay đáp rất cung-kính rằng ;

— Thưa chị bấy lâu xa cách, em không thời thường được nghe lời vàng ngọc, nay chị đã ân-cần tỏ lời giáo huấn đĩnh-ninh, em xin cúi đầu vâng dạy.

Liên-Tường lại quay lại sau chấp tay vái Lương-Thoa mà rằng :

— Thưa dì, nay cha mẹ con thì già và em còn bé dại, mọi việc trong gia-đình xin cúi mong dì săn-sóc trông-nom cả để cho đưa con bất-hiểu này được nhẹ phần tội-lỗi với gia-đình.

Lương-Thoa chấp tay cúi đầu đáp lễ mà rằng :

— Thưa phu-nhân, điều đó bất-tất phu-nhân phải truyền bảo, tôi tự xin tuân nhận cả. Tôi chỉ xin chân thành kính-chúc phu-nhân cùng đại-quan gặp mọi sự vinh-hoa và chóng sinh quý-lử.

Thế rồi cả gia-đình Phan-công bắt đầu lên đường : Phan-công và Phan phu-nhân đi trước, kế đến hai ngựa của Lương-Thoa, Phan Tái-Tạo ; sau đó là hai ngựa của Trần-Long và Liên-Tường. Hai vợ chồng Lương-Điền và Tiễn-Lan cuối ngựa đi sau rốt. Các cơ đội binh-lính trong dinh xếp thành hàng dài đi tiễn đưa ra tận ngoài nội. Đi được một lúc, các quan chức trong trấn và các bạn hữu được tin Phan-công trở về đều lũ-lũt dẫn đến tiễn-đưa. Thành ra cuộc tiễn-đưa lại tưng-bừng hơn, nhộn-nhịp hơn hôm đón rước Phan-công về dinh. Mọi người đều tỏ vẻ hân-hoan, khen ngợi cái cảnh đoàn-viên êm-ái của gia-đình Phan-công mà những người được

hưởng đích-đáng ấy đều là những bậc chân-chính anh-hùng, chân chính hiếu-tử và chân-chính thực nữ.

Đưa mọi người về Lưu-đạo rồi hai vợ chồng Trần-Long trở về dinh trọ-trại vắng-vẻ, trong lòng cũng thấy buồn thiu, và lúc ấy mới nhận ra sự hiếm-muộn con cái cũng là một cái khổ. Hai vợ chồng lấy nhau chốc đã chín mười năm giờ, mà mới sinh nở có một bận lại không nuôi được. Đường tử-tức hiếm hoi, hai vợ chồng mãi vui công-việc cũng không thường kịp nghĩ đến. Nay trong nhà vắng vẻ, nhớ cha mẹ, nhớ hai em, Trần-Long và Liên-Tường mới cảm thấy thấm-thía trong lòng, và mới thắc-mắc áy-náy về đường con cái.

Nhân thấy mọi việc xảy ra trong mười năm qua trong gia-đình có liên-lạc hệ-thống với nhau, những sự báo ứng rất rõ-rệt, những phúc họa hiển-hiện ra trong những cảnh rất đột-ngột và kỳ-ảo, Liên-Tường càng thêm tin có một đức Chí-Tôn ở trên trời cao bày đặt ra mọi lớp cảnh để thưởng phạt người trần, nàng càng thêm tôn thờ Phật-lữ, đại-từ đại-bi. Nàng bèn bàn với chồng lập một am mây ở ngay Tiễn-sơn để nàng đến đấy tụng kinh niệm Phật cầu khẩn đức Phật tỏ nhiệm-mầu ban phúc cho nhà nàng chóng có thêm tiếng trẻ vui đùa. Trần-Long liền theo ý vợ chọn một chỗ đất trên núi Tiễn-sơn, gần ngay làng Lưu-đạo. Khởi công làm hơn một tháng, một cái am xinh xắn đẹp đẽ đã dựng lên, đóm-đáng thấp-thoáng trong bụi cây sầm uất. Muốn cho cái am ấy được đánh dấu một lòng tin-

ngưỡng báo-là trong dân-gian, Trần-Long làm lễ khánh thành rất long-trọng. Chàng cho mời tất cả các sư trong Thiền-môn Kinh-bách và các vị Cao-tăng đại-đức ở khắp vùng. Chàng lại cho mời cả các quan-chức và thân bằng-cố hữu khắp nơi về dự. Thật là một ngày hội vui vẻ để tuyên-dương công-đức nhà Phật và rửa sạch cái vẩn đục tội-ác ở trong lòng người tục : Sư tổ Chân Giác thiền-sư ở bên chùa Giác ngộ hạt Phụng-ngiêm, vừa là bậc tu-hành cao tuổi nhất và đạo học rộng, lại là clỗ quen-thuộc với Phan phu-nhân, nên Trần-Long nhờ cậy ngài đứng chủ cuộc đại-lễ khánh-thành trên đàn cao cho công-chúng vào xem. Nhân dịp này vợ chồng Nguyễn Thành Chương và Lê-Kim hiện làm Đề-đốc trấn Sơn-nam được thiệp mời cũng cùng nhau về dự và mừng vợ chồng Liên-Tường được gặp Phan Thượng-thư. chị em bạn bấy lâu xa cách nay lại gặp nhau, nỗi vui mừng, niềm tưởng nhớ, đượm trong khoé nhìn, lộ ra lời nói lại càng thêm đắm-thắm thân yêu. Trong khi trò chuyện, sau những lúc vui mừng vì bạn bè gặp gỡ, hay sung sướng vì tìm được cha già, có thêm em gái, Liên-Tường thường ra vẻ lo buồn vì nỗi hiếm muộn. Lê-Kim cảm thương bạn hiền an ủi rằng :

— Kể như đời phu-nhân không lúc nào vui bằng lúc này, tìm được cha, nhận được em là bậc kỳ tài, em gái nuôi lấy được chồng giỏi, cả nhà sum-hợp như thế còn hạnh phúc nào hơn nữa. Vả lại bây giờ đại-quan và phu-nhân lại lập am thờ Phật ở đây liền cạnh lão-quan, lúc nào cả nhà cũng được đoàn-viên đùm bọc lấy nhau. Được như thế em tưởng cũng đủ thỏa lòng mong mỏi. Phu-nhân không nên để một chút buồn nào nó lấn át mất cái vui đích đáng ấy. Cứ buồn nó sẽ vẩn vào mình mà thôi vẩn sẽ lại trái ngược ghẹo mình. Đức năng thắng số là vậy, đây phu-nhân ạ. Còn đường con cái có muộn một

tỷ là vì trước đây phu - nhân mãi lo nghĩ suy tính lăm, nó chậm lại đấy thôi. Mới lại mình đã già gì mà nghĩ ngợi cho lăm Nói ngay như lão-quan mãi đến sáu mươi mới có con nối dõi lại càng hay nữa là... Phu-nhân cứ vất hết cái buồn đi, trong mình thư thái, bây giờ không phải lo nghĩ gì nữa, rồi lại chả thối tồi mà để mãi ấy à !

Liên-Tường cười nhin Lê - Kim mà nói :

— Gớm nghe phu-nhân nói vui vui là quên hết cả buồn.

— Phải vui chứ ! Giới Phật dõn đến cho mọi sự vui đẹp, mà mình lại buồn chẳng hóa ra mình hèn-hạ cứ tự gây lấy tai-vạ sao ! Người ta phải vui mới tiến được. Vui với việc làm, vui với chung quanh, vui với mai sau, rồi mọi sự đều sẽ thành tựu cả, nó thành tựu có khi mình không nghĩ đến nữa. Ngay như những lúc hai chị em ta gặp bao cảnh gian nan, mà phu-nhân và tôi vẫn vui mà liêu bước tưởng chừng như là không có việc gì vừa xảy ra cho mình cả. Ấy thế mà về sau, những điều mình ước muốn, mong chờ đều thành cả. Những cái việc ấy nó sịch đến một cách đột ngột quá mình không kịp nghĩ mình cho là kỳ-ảo. Chính thực ra một việc trước sau vẫn có liên - lạc mầu cở với nhau mới thành kết-quả. Chẳng qua nó tế-vi quá, huyền diệu quá, mình hèn mọn ngu - độ không nghĩ được thấu đấy thôi.

Liên - Tường gật đầu tỏ ý khen phải và nói :

— Có lẽ thế thật : Già không có phu-nhân khuyên giảng, thì em đến còn buồn mãi. Mà cũng tại hôm nọ nhà đương đông đúc, cha mẹ em về cả bên Lưu-đạo này, ở đình vắng vẻ quá em nghĩ miên man, thương thân tủi phận nghĩ mình chỉ làm khổ cho người khác, nên tự nhiên em đâm ra buồn vô hạn. Bây giờ thì không thế nữa, nghe nhời phu - nhân huấn cáo, lại ở trong Am này thờ Phật, và ở gần cha mẹ chị em, em sẽ không buồn nữa, em tuân theo lời phu - nhân.

Lê-Kim càng vui vẻ nói tiếp :

— Phải ! giữa cảnh sơn thanh thủy tú này lại đoàn viên với cha mẹ chị em thân yêu, sớm hay muộn thế nào người ta cũng phải vui với gia-đình, vui với núi sông vui với công việc, và cùng với ngày tháng sẽ kết tụ lại được nhiều sự nghiệp vẻ vang, hay để lại cho đồng-giống những bậc kỳ tài xuất-chúng.

Rồi Lê Kim ê-a tụng to câu kinh mà nàng tự đặt lấy đề mừng Liên-Tường.

Nam - mô Đức Phật Di - Đà
Cửu nhân độ thế bao la thắm nhuần
Ngoài trời muôn vật đều xuân,
Mà cho người cũng mười phần thắm

tươi
Lòng phật tức là lòng người,
Lòng ta thành kính, Phật-Giới giúp

ta
Giới cho xum họp một nhà :
Thống già thêm tốt hayén già thêm

tươi
Hoa Dường lệ nở khác trời
Càng khoe sắc thắm càng cười vẻ tán

Mai sau lan quế dầy sân,
Hương thơm ngào ngạt cảnh xuân
thắm nồng
Trăm năm trong cõi mệnh trời
Hơn nhau có một tấm lòng thanh cao
CHU-THIÊN

HẾT

ký sau :

« Lịch-sử bệnh lao »
của bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN

Sổ Xuân Quí-Mùi (1948)

Sổ xuân Tri-Tân 1948 (quí-mùi) sẽ là một sổ đặc-sắc chưa từng thấy trong làng báo Đông-dương.

Đặc sắc vì có nhiều bài khảo-cứu rất công-phụ ;

Đặc-sắc vì sổ đó là chỗ gặp-gỡ của những ngòi bút có danh-tiếng ở khắp ba kỳ ;

Đặc-sắc vì có bức tranh phụ-bản rất mỹ - thuật và nhiều tranh-ảnh khác rất khả-quan ..

TRI-TÂN

Khản cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho mà muốn biết thêm :

Chữ nho học lây } Mẹo chữ hán

Cử nhân Dương Bá-Trạc soạn
Giá 1p — Cước 0p12

Bùi Trình-Khiêm soạn
Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 30

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin gả tiền trước

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Colon Hanoi

- 1-) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p.25
- 2-) Việt nam văn phạm, Trần-trọng-Kim 2 p.50
- 3-) Grammaire Annamite Trần-trọng-Kim 3 p.50
- 4-) Phật học, Trần-trọng-Kim 0 p.80
- 5-) De Hanoi à la Courtine Phạm-duy-Khiêm 1 p.50

ĐANG TẠI BẢN

Nho g'áo, Trần trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độ: giá nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Mấy cuốn sách giá-trị của
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐẠO SỐNG

sách thường 2p00

sách đẹp 4p00

«J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ces doctrines. Je vous félicite»

P. DELSALLE

Pésident Supérieur au TONKIN

«Những sách như sách Đạo Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ» Phạm-Quỳnh

Lược-khảo về Mỹ-thuật Việt-Nam

sách thường 1p50

sách đẹp 3p50

A la fois sinologue et artiste, Ng.x.Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration exue des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant qu'à l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes.

... La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyễn-văn-Tổ

THI-THOẠI

Dày non 300 trang giá 2p00

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu để cho

Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi

VŨ-NGOC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ —

Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm

« Nam-Phong tạp-chi ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước,

cả cước mỗi quyển là 0p37.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về: Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bông Hanoi

Từ 15 11-42, trong toàn cõi Đông-Pháp sẽ có bán:

VIỆT - NAM

CỔ VĂN HỌC SỬ

của **NGUYỄN-ĐỒNG-CHI**

Tựa của

TRẦN-VĂN-GIÁP

Lời bạt của

HUỖNH THỨC-KHANG

—Bìa của Nguyễn đồ Cang—

Trên 1000 bản khắc chữ Hán đủ cả các thể, thơ, phú, chiếu, dụ, kèm những bản dịch ra quốc âm ngoài mười năm nghiên cứu, tham khảo, trong hai trăm cuốn sách, báo, kim, cổ, đông, tây. Để góp thành một trăm trang toàn những tài liệu quý giá.

Giá đặc biệt 4\$50

Mua một cuốn gửi tiền về trước kèm thêm 0p70

cước đảm bảo. Không bán lãnh hóa giao ngân.

→ **HÀN-THUYỀN**

— 71 Tien Tsin Hanoi

Administrateur Gérant: Dương Tự-Quán